

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0100112437

Đăng ký lần đầu: ngày 02 tháng 06 năm 2008

Đăng ký thay đổi lần thứ 11: ngày 07 tháng 11 năm 2014

*“CHUYÊN ĐỔI CỔ PHẦN HÓA THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1289/QĐ-TTG NGÀY
26/09/2007 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ”*

*“CẤP LẠI MÃ SỐ DN TỪ ĐKKD SỐ: 0103024468 DO PHÒNG ĐKKD - SỞ KẾ
HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TP HÀ NỘI CẤP NGÀY 02/06/2008”*

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI
THƯƠNG VIỆT NAM**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR
FOREIGN TRADE OF VIETNAM**

Tên công ty viết tắt: **VIETCOMBANK**

2. Địa chỉ trụ sở chính

*198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt
Nam*

Điện thoại: 9343137

Fax: 8241395/9360049/8251322

Email: webmaster@vietcombank.com.vn Website: www.vietcombank.com.vn

n

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	<p>Hoạt động trung gian tiền tệ khác</p> <p>Chi tiết:</p> <p>1. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh ngân hàng</p> <p>2. Các nghiệp vụ được phép tiến hành kinh doanh:</p> <p>Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam được phép thực hiện các hoạt động nghiệp vụ sau đây theo quy định của luật các Tổ chức tín dụng, Pháp lệnh ngoại hối và các quy định có liên quan về hoạt động của ngân hàng thương mại:</p> <p>2.1 Huy động vốn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác; - Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài; - Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của pháp luật; - Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; <p>2.2 Hoạt động tín dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho vay; - Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; - Bảo lãnh ngân hàng; - Bao thanh toán trong nước, bao thanh toán quốc tế; - Phát hành thẻ tín dụng; - Các hình thức cấp tín dụng khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận; <p>2.3 Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng; - Mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước và duy trì trên tài khoản tiền gửi này số dư bình quân không thấp hơn mức dự trữ bắt buộc; - Mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng khác; - Mở tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối; - Cung ứng các phương tiện thanh toán; - Thực hiện các dịch vụ thanh toán trong nước và quốc tế; - Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ; - Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế và các dịch vụ thanh toán khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận; - Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia - Tham gia hệ thống thanh toán quốc tế khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận. 	6419

STT	Tên ngành	Mã ngành
2	<p>Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)</p> <p>Chi tiết:</p> <p>2.4 Các hoạt động khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật; - Tham gia đấu thầu tín phiếu kho bạc, mua, bán công cụ chuyển nhượng, trái phiếu chính phủ, tín phiếu kho bạc, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ; - Thực hiện cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật; - Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; - Cung ứng dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; - Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư theo quy định của pháp luật; - Lưu ký chứng khoán, kinh doanh vàng theo quy định của pháp luật; - Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; - Dịch vụ môi giới tiền tệ; - Kinh doanh bất động sản, cụ thể các hoạt động sau: <ul style="list-style-type: none"> + Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam; + Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết, thuộc sở hữu của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam; + Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ vay. Trong thời hạn 3 năm, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này để đảm bảo tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định và mục đích sử dụng tài sản cố định theo quy định tại Điều 40 Luật Các tổ chức tín dụng; - Thực hiện hoạt động bảo lãnh bằng ngoại tệ và cho vay ra nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 	6499

4. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 26.650.203.340.000 đồng

Bằng chữ: Hai mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi tỷ hai trăm lẻ ba triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 2.665.020.334

5. Số cổ phần được quyền chào bán: 0

6. Vốn pháp định

7. Danh sách cổ đông sáng lập

8. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Họ và tên: **NGHIÊM XUÂN THÀNH**

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *02/11/1969*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Giấy chứng minh nhân dân*

Số: *013028860*

Ngày cấp: *25/01/2008*

Nơi cấp: *Công an Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà 19/22/183, Hoàng Văn Thái, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà 19/22/183, Hoàng Văn Thái, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Thông tin về chi nhánh

- Tên chi nhánh: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH CÀ MAU**

Địa chỉ chi nhánh: **Số 3-4C, đường Âu Cơ, Phường 7, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam**

Mã số chi nhánh: **0100112437-017**
- Tên chi nhánh: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH THANH HÓA**

Địa chỉ chi nhánh: **Số 11 đường Hạc Thành, Phường Điện Biên, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam**

Mã số chi nhánh: **0100112437-078**
- Tên chi nhánh: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH THÁI BÌNH**

Địa chỉ chi nhánh: **Số 75, phố Lê Lợi, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam**

Mã số chi nhánh: **0100112437-019**
- Tên chi nhánh: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM-CHI NHÁNH TÂY NINH**

Địa chỉ chi nhánh: **Số 374-376, đường 30/4, khu phố 1, Phường 3, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam**

Mã số chi nhánh: **0100112437-070**

5. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM- CHI NHÁNH TRÀ VINH
Địa chỉ chi nhánh: Số 28 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-074
6. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM- CHI NHÁNH BIÊN HÒA
Địa chỉ chi nhánh: Số 22, đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437 - 061
7. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐỒNG NAI
Địa chỉ chi nhánh: Số 77C, đường Hưng Đạo Vương, Phường Trung Dũng, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-012
8. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH HUẾ
Địa chỉ chi nhánh: Số 78 Hùng Vương, Phường Phú Nhuận, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-015
9. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH VĨNH PHÚC
Địa chỉ chi nhánh: Số 392A, Đường Mê Linh, Phường Khai Quang, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-033
10. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH HƯNG YÊN
Địa chỉ chi nhánh: Thị trấn Bần Yên Nhân, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-053
11. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BÌNH THUẬN
Địa chỉ chi nhánh: Số 87 đường 19/4, Phường Xuân An, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-046

12. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ TĨNH
Địa chỉ chi nhánh: Số 02, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Trần Phú, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-018
13. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC HÀ TĨNH
Địa chỉ chi nhánh: Số 52, đường Trần Phú, Phường Bắc Hồng, Thị xã Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-054
14. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH TIỀN GIANG
Địa chỉ chi nhánh: Số 152 đường Đinh Bộ Lĩnh, Phường 2, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-068
15. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH VŨNG TÀU
Địa chỉ chi nhánh: Số 27 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-005
16. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH NHA TRANG
Địa chỉ chi nhánh: Số 17 Quang Trung, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-007
17. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ chi nhánh: Số 314 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-021
18. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH NAM BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ chi nhánh: Đường ĐT 743, Phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-065

19. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM-CHI NHÁNH QUẢNG TRỊ
Địa chỉ chi nhánh: 51 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-077
20. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH KONTUM
Địa chỉ chi nhánh: Số nhà 348, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-076
21. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUẢNG BÌNH
Địa chỉ chi nhánh: 54 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Hải Đình, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-038
22. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH VINH
Địa chỉ chi nhánh: Số 21, đường Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-011
23. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH SÓC TRĂNG
Địa chỉ chi nhánh: 03 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-045
24. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH HẢI DƯƠNG
Địa chỉ chi nhánh: Số 66, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Bình Hàn, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-028
25. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH MÓNG CÁI
Địa chỉ chi nhánh: Số 02 phố Vân Đồn, Phường Trần Phú, Thành phố Móng cái, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-049

26. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH HẠ LONG
Địa chỉ chi nhánh: Đường Hạ Long, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-048
27. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUẢNG NINH
Địa chỉ chi nhánh: Đường 25/4, Phường Bạch Đằng, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437 - 013
28. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH CHÂU ĐỐC
Địa chỉ chi nhánh: Số 55 Lê Lợi, Phường Châu Phú B, Thành phố Châu Đốc, Tỉnh An Giang, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-043
29. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH AN GIANG
Địa chỉ chi nhánh: Số 01 Hùng Vương, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-014
30. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÚ TÀI
Địa chỉ chi nhánh: Số 433 đường Lạc Long Quân, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-055
31. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUY NHƠN
Địa chỉ chi nhánh: Số 66C Lê Duẩn, Phường Lý Thường Kiệt, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-008
32. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH LONG AN
Địa chỉ chi nhánh: Số 2A, Phạm Văn Ngũ, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-039

33. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐÀ LẠT
Địa chỉ chi nhánh: Số 1 Lê Hồng Phong, Phường 4, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-047
34. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ
Địa chỉ chi nhánh: 03-05-07 Hòa Bình, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-010
35. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH TÂY ĐỒ
Địa chỉ chi nhánh: Lô 30A7A, Khu công nghiệp Trà Nóc 1, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-066
36. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH DUNG QUẤT
Địa chỉ chi nhánh: Khu công nghiệp Đông Dung Quất, Khu kinh tế Dung Quất, Xã Bình Thuận, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-063
37. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐẮK LẮK
Địa chỉ chi nhánh: Số 06 đường Trần Hưng Đạo, Phường Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-020
38. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH
Địa chỉ chi nhánh: Đường Tôn Đức Thắng, khu Công Nghiệp Nhơn Trạch III, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-060
39. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH KỶ ĐỒNG
Địa chỉ chi nhánh: 13-13 Bis Kỳ Đồng, Phường 09, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-072

40. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC SÀI GÒN
Địa chỉ chi nhánh: Khu Hành Chính, Đường Số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-050
41. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BÌNH TÂY
Địa chỉ chi nhánh: 129-129A Hậu Giang, Phường 05, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-022
42. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM- CHI NHÁNH QUẬN 5
Địa chỉ chi nhánh: 2D-2E Lý Thường Kiệt, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-041
43. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH
Địa chỉ chi nhánh: 10 Võ Văn Kiệt, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-002
44. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH TÂN BÌNH
Địa chỉ chi nhánh: 108 Tây Thạnh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-037
45. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐÔNG SÀI GÒN
Địa chỉ chi nhánh: Tầng G - tầng 4 tòa nhà Sài Gòn Postel (SPT), Số 199 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-059
46. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÚ THỌ
Địa chỉ chi nhánh: 664 Sư Vạn Hạnh, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-040

47. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH NAM SÀI GÒN
Địa chỉ chi nhánh: Tầng 1 (trệt), Tầng 2, Tầng 3, Tầng 4, Tòa nhà V6, Plot V, Khu đô thị mới Him Lam, số 23 Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-016
48. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH THỦ ĐỨC
Địa chỉ chi nhánh: Khu Chế xuất Linh Trung I, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-062
49. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẾN THÀNH
Địa chỉ chi nhánh: 69 Bùi Thị Xuân, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-036
50. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH TÂN ĐỊNH
Địa chỉ chi nhánh: 72 Phạm Ngọc Thạch, Phường 06, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-042
51. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH SÓNG THẦN
Địa chỉ chi nhánh: Số 79/8, Khu phố Bình Đường 2, Phường An Bình, Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-044
52. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG
Địa chỉ chi nhánh: 140 - 142 Lê Lợi, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-003
53. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUẢNG NAM
Địa chỉ chi nhánh: 35 Trần Hưng Đạo, Phường Tân Thạnh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-034

54. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH CHƯƠNG DƯƠNG
Địa chỉ chi nhánh: 564 Nguyễn Văn Cừ, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-058
55. Tên chi nhánh: SỞ GIAO DỊCH NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
Địa chỉ chi nhánh: Số 31 - 33 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-001
56. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM- CHI NHÁNH HOÀN KIẾM
Địa chỉ chi nhánh: Số 23 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-067
57. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM- CHI NHÁNH BA ĐÌNH
Địa chỉ chi nhánh: Số 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-052
58. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ NỘI
Địa chỉ chi nhánh: Số 344 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-006
59. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH THĂNG LONG
Địa chỉ chi nhánh: Số 98 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-056
60. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH THÀNH CÔNG
Địa chỉ chi nhánh: Lô 3 Ô 4.1 CC đường Hoàng Đạo Thúy, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-051

61. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH THANH XUÂN
Địa chỉ chi nhánh: 448 - 450 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-071
62. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM- CHI NHÁNH ĐỒNG THÁP
Địa chỉ chi nhánh: Số 66, đường 30/4, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-057
63. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG
Địa chỉ chi nhánh: Số 275 Lạch Tray, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-004
64. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ TÂY
Địa chỉ chi nhánh: Số 484 đường Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-069
65. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH TRUNG ĐÔ
Địa chỉ chi nhánh: Số 9, Nguyễn Sỹ Sách, Phường Hà Huy Tập, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-099
66. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH NINH THUẬN
Địa chỉ chi nhánh: Số 47 đường 16/4, Phường Kinh Dinh, TP. Phan Rang-Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-101
67. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH VĨNH LONG
Địa chỉ chi nhánh: Số 1D và 1E đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-079

68. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC GIANG
Địa chỉ chi nhánh: Số nhà 179, đường Hùng Vương, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-073
69. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC NINH
Địa chỉ chi nhánh: Ngã 6, Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-032
70. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH CAM RANH
Địa chỉ chi nhánh: 100 đường 22/8, Phường Cam Thuận, Thành Phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-064
71. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH GIA LAI
Địa chỉ chi nhánh: 33 Quang Trung, Phường Hội Thương, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-027
72. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH KIÊN GIANG
Địa chỉ chi nhánh: Số 89 đường 3 tháng 2, Phường Vĩnh Bảo, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-009
73. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM-CHI NHÁNH PHÚ YÊN
Địa chỉ chi nhánh: Số 194-196 Hùng Vương, Phường 5, TP Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-075
74. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH VIỆT TRÌ
Địa chỉ chi nhánh: Số 1606A, đường Hùng Vương, Phường Gia Cẩm, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-130

75. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẠC LIÊU
Địa chỉ chi nhánh: Số 14 - 15 Lô B, đường Bà Triệu, Phường 3, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-131
76. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH QUẢNG NGÃI
Địa chỉ chi nhánh: Số 345 Hùng vương, Phường Trần Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-030
77. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH NINH BÌNH
Địa chỉ chi nhánh: Số nhà 872, đường Trần Hưng Đạo, Phường Tân Thành, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-136
78. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ NAM
Địa chỉ chi nhánh: Trung tâm thương mại dịch vụ Hải Hà, đường Lê Hoàn, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-138
79. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH NAM ĐỊNH
Địa chỉ chi nhánh: 91 đường Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-137
80. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH THÁI NGUYÊN
Địa chỉ chi nhánh: Số 10, đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Phan Đình Phùng, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-139
81. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH TÂY HỒ
Địa chỉ chi nhánh: Số D5B-33 và D5B -35, Lô D5, Khu đấu giá 18,6 Ha, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-141

82. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ chi nhánh: Lô D1-4-TT, đường NA3, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-140
83. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH LÀO CAI
Địa chỉ chi nhánh: Số nhà 079, đường Hoàng Liên, Phường Cốc Lều, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-143
84. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM-CHI NHÁNH LẠNG SƠN
Địa chỉ chi nhánh: Tầng 01 tòa nhà trung tâm thương mại Phú Lộc, khu dự án Phú Lộc IV, Phường Vĩnh Trại, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-144
85. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH SÓC SƠN
Địa chỉ chi nhánh: Số nhà 51, Đường Quốc lộ 3, Tổ 12, Thị trấn Sóc Sơn, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-142
86. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH LONG KHÁNH
Địa chỉ chi nhánh: Số 165, đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Xuân An, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-145
87. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG ĐẶC BIỆT
Địa chỉ chi nhánh: Số 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-146

88. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐÔNG ANH
Địa chỉ chi nhánh: Thôn Nghĩa Lại, Xã Uy Nỗ, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-147
89. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH HOÀNG MAI
Địa chỉ chi nhánh: Tầng 1-2, Tower 1, Times City, số 458 phố Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-148
90. Tên chi nhánh: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH THANH TRÌ
Địa chỉ chi nhánh: Tầng 1 - 2 - 3, tòa nhà số 1277, đường Giải Phóng, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Mã số chi nhánh: 0100112437-149

10. Thông tin về văn phòng đại diện

11. Thông tin về địa điểm kinh doanh

W/ TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG
ĐĂNG KÝ
KINH DOANH
SỐ 01

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực... 3396... Nguyên số... 01... SCT/BS
Ngày: 04-08-2016

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Hải Hùng

PHÓ CHỦ TỊCH
Trần Thị Tố Nga



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 621/NHNN-TTGSNH
V/v đăng ký Điều lệ của VCB

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2015

Kính gửi: Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam

Về đề nghị đăng ký sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (VCB) tại Công văn số 199/VCB-TKHĐQT ngày 08/01/2015 và hồ sơ kèm theo, Ngân hàng Nhà nước có ý kiến như sau:

Ngân hàng Nhà nước xác nhận việc đăng ký đối với nội dung sửa đổi tại điểm k, l, o Khoản 1 Điều 44, Khoản 2 Điều 57 Điều lệ tổ chức và hoạt động của VCB đã được thông qua tại Nghị quyết số 08/BT2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/12/2014 của Đại hội đồng cổ đông bất thường VCB././

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Vụ TCCB;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu VP; TTGSNH6 (3).

Ưn

TL. THỐNG ĐỐC

K/ CHÁNH THANH TRA, GIÁM SÁT NGÂN HÀNG



Nguyễn Thị Hòa

MỤC LỤC

CHƯƠNG I - NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	7
Mục 1 – Giải thích thuật ngữ.....	7
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	7
Mục 2 – Tên gọi, trụ sở, mục tiêu và phạm vi hoạt động	10
Điều 2. Tên gọi, trụ sở và thời hạn hoạt động của Ngân hàng	10
Điều 3. Mạng lưới hoạt động của Ngân hàng.....	11
Điều 4. Hình thức, tư cách pháp nhân, đại diện theo pháp luật và tài khoản của Ngân hàng	11
Điều 5. Tôn chỉ, lĩnh vực kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Ngân hàng	11
Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	12
Mục 3 – Các hoạt động chính	12
Điều 7. Hoạt động ngân hàng thương mại	12
Điều 8. Góp vốn, mua cổ phần.....	13
Điều 9. Bảo hiểm	14
Điều 10. Các hoạt động khác	14
Điều 11. Các hạn chế để đảm bảo an toàn trong hoạt động	15
Điều 12. Áp dụng điều ước quốc tế và tập quán quốc tế trong hoạt động ngân hàng	15
Điều 13. Tổ chức chính trị - xã hội trong Ngân hàng	15
CHƯƠNG II - VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU	15
Mục 1 – Vốn điều lệ	15
Điều 14. Vốn điều lệ của Ngân hàng.....	15
Điều 15. Tăng, giảm vốn điều lệ	15
Mục 2 – Cổ phần, Cổ phiếu, Trái phiếu	16
Điều 16. Cổ phần.....	16
Điều 17. Chào bán cổ phần	16
Điều 18. Mua lại cổ phần	17
Điều 19. Thu hồi cổ phần	19
Điều 20. Chuyển nhượng cổ phần	20
Điều 21. Thừa kế cổ phần	20

Điều 22.	Giới hạn sở hữu cổ phần	21
Điều 23.	Sử dụng cổ phần làm tài sản bảo đảm	21
Điều 24.	Sổ đăng ký cổ đông	21
Điều 25.	Cổ phiếu	22
Điều 26.	Phát hành trái phiếu	23
CHƯƠNG III - CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT NGÂN HÀNG.....		23
Mục 1 - Cơ cấu tổ chức quản lý.....		23
Điều 27.	Cơ cấu tổ chức quản lý.....	23
Mục 2 - Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông		23
Điều 28.	Cổ đông	23
Điều 29.	Quyền của cổ đông	23
Điều 30.	Nghĩa vụ của cổ đông	25
Điều 31.	Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 32.	Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 33.	Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 34.	Thông báo mời họp, chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 35.	Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	29
Điều 36.	Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	30
Điều 37.	Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	32
Điều 38.	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	33
Điều 39.	Thẩm quyền và thế thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	34
Điều 40.	Thay đổi các quyền	35
Điều 41.	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	35
Điều 42.	Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	36
Mục 3 - Hội đồng quản trị		37
Điều 43.	Hội đồng quản trị	37
Điều 44.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị	37
Điều 45.	Chủ tịch Hội đồng quản trị	40
Điều 46.	Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị	41
Điều 47.	Thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị	42
Điều 48.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị	42

Điều 49.	Hợp Hội đồng quản trị	43
Điều 50.	Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.....	44
Điều 51.	Biên bản họp hội đồng quản trị	45
Điều 52.	Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	46
Điều 53.	Các ủy ban giúp việc của Hội đồng quản trị	47
Điều 54.	Phòng thư ký Hội đồng quản trị Ngân hàng	47
Điều 55.	Sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp.....	48
Mục 4 - Tổng Giám đốc		48
Điều 56.	Tổng Giám đốc	48
Điều 57.	Giúp việc cho Tổng Giám đốc.....	50
Điều 58.	Thù lao của Tổng Giám đốc.....	50
Điều 59.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc	50
Điều 60.	Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc	51
Mục 5 - Ban kiểm soát		52
Điều 61.	Ban kiểm soát	52
Điều 62.	Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát.....	53
Điều 63.	Quyền và nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát.....	54
Điều 64.	Quyền và nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát	54
Điều 65.	Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	55
Điều 66.	Thù lao của thành viên Ban kiểm soát.....	56
Điều 67.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát.....	56
Điều 68.	Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	56
Điều 69.	Cuộc họp của Ban kiểm soát	58
Điều 70.	Thông qua quyết định của Ban kiểm soát	58
Điều 71.	Biên bản họp của Ban kiểm soát	59
Điều 72.	Sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp.....	59
Mục 6 - Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Người quản lý khác của Ngân hàng		60
Điều 73.	Công khai các lợi ích có liên quan	60
Điều 74.	Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Người quản lý khác của Ngân hàng	60

Điều 75.	Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị chấp thuận	61
Điều 76.	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	62
Mục 7 – Công nhân viên và công đoàn.....		62
Điều 77.	Công nhân viên và công đoàn	62
CHƯƠNG IV - MỐI QUAN HỆ GIỮA NGÂN HÀNG VÀ CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN		
.....		62
Mục 1 - Các đơn vị trực thuộc, Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng.....		62
Điều 78.	Các Đơn vị trực thuộc, Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng	63
Mục 2 - Quan hệ giữa Ngân hàng với các đơn vị trực thuộc.....		63
Điều 79.	Quan hệ giữa Ngân hàng với các đơn vị trực thuộc.....	63
Mục 3 - Quan hệ giữa Ngân hàng với các Công ty có liên quan		63
Điều 80.	Quản lý phần vốn góp của Ngân hàng trong Công ty có liên quan	63
Điều 81.	Chi phối, liên kết, hỗ trợ các Công ty có liên quan	63
Điều 82.	Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng đối với Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	64
Điều 83.	Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên, Công ty cổ phần.....	65
Điều 84.	Quan hệ giữa Ngân hàng với các Công ty liên kết	65
CHƯƠNG V - CƠ CHẾ TÀI CHÍNH.....		65
Mục 1 - Hệ thống kế toán và năm tài chính		65
Điều 85.	Hệ thống kế toán.....	65
Điều 86.	Năm tài chính	65
Mục 2 - Kiểm toán và con dấu.....		66
Điều 87.	Kiểm toán.....	66
Điều 88.	Con dấu.....	66
Mục 3 - Phân chia lợi nhuận.....		66
Điều 89.	Phân chia lợi nhuận sau thuế.....	66
Điều 90.	Trích lập quỹ	66
Điều 91.	Trả cổ tức.....	67
CHƯƠNG VI - SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ NGÂN HÀNG		68
Điều 92.	Báo cáo hàng năm, 6 tháng và hàng quý	68
Điều 93.	Quyền tiếp cận, kiểm tra sổ sách và hồ sơ Ngân hàng	69
Điều 94.	Chế độ lưu giữ tài liệu của Ngân hàng.....	69

Điều 95.	Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	70
CHƯƠNG VII - TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN NGÂN HÀNG.....		70
Điều 96.	Tổ chức lại	70
Điều 97.	Giải thể Ngân hàng.....	70
Điều 98.	Phá sản Ngân hàng.....	70
CHƯƠNG VIII - GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ, SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG		
ĐIỀU LỆ NGÂN HÀNG.....		71
Điều 99.	Giải quyết tranh chấp nội bộ	71
Điều 100.	Sửa đổi và bổ sung Điều lệ Ngân hàng.....	71
CHƯƠNG IX - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH		71
Điều 101.	Điều khoản chung.....	71

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16/06/2010;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006;
- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan,

Điều lệ này quy định về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam và được thông qua hợp lệ tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2014 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam vào ngày 26 tháng 12 năm 2014. Các phụ lục và các văn bản sửa đổi Điều lệ (nếu có) là một phần không thể tách rời của Điều lệ này.

CHƯƠNG I - NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Mục 1 – Giải thích thuật ngữ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "*Luật Doanh nghiệp*" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm.
 - b. "*Luật các Tổ chức tín dụng*" có nghĩa là Luật các Tổ chức tín dụng được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2010 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm.
 - c. "*Pháp luật*" có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quyết định, thông tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ngân hàng bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản quy phạm pháp luật này.
 - d. "*Ngân hàng*" là Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.
- "*Địa bàn hoạt động*" là phạm vi địa lý được ghi trong giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp cho Ngân hàng mà tại đó Ngân hàng được thiết lập các điểm hoạt động theo quy định của Pháp luật.
 - e. "*Vốn điều lệ*" là vốn đã được các cổ đông thực góp và được ghi trong Điều lệ Ngân hàng.
 - f. "*Ngày thành lập*" là ngày Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
 - g. "*Vốn pháp định*" là vốn tối thiểu phải có theo quy định của Pháp luật để thành lập Ngân hàng.
 - h. "*Ban điều hành*" bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc của Ngân hàng được Hội đồng quản trị bổ nhiệm/thuê.
- "*Người điều hành*" bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế Toán trưởng, Giám đốc Khối, Phó Giám đốc Khối, Giám đốc Sở Giao dịch, Giám đốc Công ty con, Giám đốc chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện, Giám đốc đơn vị sự nghiệp và Giám đốc Trung tâm tại Trụ sở chính của Ngân hàng.
 - i. "*Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị*" là thành viên Hội đồng quản trị có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 48 của Điều lệ Ngân hàng và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - (i) Không phải là người đang làm việc cho chính Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 năm liền kề trước đó;

- (ii) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - (iii) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;
 - (iv) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;
 - (v) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.
- j. "*Thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm*" là thành viên Hội đồng quản trị đồng thời nắm giữ một hoặc nhiều chức danh khác tại Ngân hàng với nhiệm vụ và quyền hạn nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị nhưng không cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Điều 34 Luật các Tổ chức tín dụng.
- k. "*Thành viên Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm*" là thành viên Hội đồng quản trị không đồng thời nắm giữ bất kỳ một chức danh nào khác tại Ngân hàng với nhiệm vụ và quyền hạn nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị, và không cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Điều 34 Luật các Tổ chức tín dụng.
- l. "*Người quản lý Ngân hàng*" bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế Toán trưởng, Giám đốc Khối, Phó Giám đốc Khối, Giám đốc Sở Giao dịch, Giám đốc Công ty con, Giám đốc chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện, Giám đốc đơn vị sự nghiệp và Giám đốc Trung tâm tại Trụ sở chính của Ngân hàng.
- m. "*Người có liên quan*" là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- (i) Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;
 - (ii) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;
 - (iii) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;
 - (iv) Cá nhân với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người này;
 - (v) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với cá nhân theo quy định tại điểm (iv) khoản này của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên

góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;

- (vi) Cá nhân được ủy quyền đại diện cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm (i), (ii), (iii), (iv) và (v) khoản này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau.
- n. "*Thời hạn hoạt động*" là thời hạn hoạt động của Ngân hàng được quy định tại khoản 3 Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng thông qua bằng nghị quyết và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận nếu Pháp luật có yêu cầu.
- o. "*Việt Nam*" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- p. "*Cổ phần*" là vốn điều lệ được chia thành các phần bằng nhau.
- q. "*Cổ đông*" là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng và đăng ký tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng với tư cách là một người nắm giữ (các) cổ phần.
- r. "*Cổ phiếu*" là chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ của Ngân hàng phát hành, xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng.
- s. "*Cổ phiếu quy*" là cổ phiếu của chính Ngân hàng đã phát hành và được Ngân hàng mua lại bằng nguồn vốn hợp pháp theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.
- t. "*Sổ đăng ký cổ đông*" là sổ đăng ký cổ đông quy định tại Điều 24 của Điều lệ này.
- u. "*Đại hội đồng cổ đông*" hoặc "*Đại hội*" là Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng.
- v. "*Đề cử*" là việc cổ đông hoặc nhóm cổ đông giới thiệu bản thân mình hoặc đại diện của tổ chức mình hoặc cá nhân khác hoặc đại diện của tổ chức khác vào chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này.
- w. "*Cổ tức*" là khoản tiền được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Ngân hàng sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính theo quy định của Pháp luật.
- x. "*Công ty có liên quan*" là doanh nghiệp do Ngân hàng nắm giữ một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ, gồm có Công ty con và Công ty liên kết.
- y. "*Công ty con*" là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- (i) Ngân hàng hoặc Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết;
 - (ii) Ngân hàng có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty con;
 - (iii) Ngân hàng có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty con;

- (iv) Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty con.
- z. “*Công ty liên kết*” là công ty trong đó Ngân hàng hoặc Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của Ngân hàng.
- aa. “*Đơn vị trực thuộc*” là các đơn vị hạch toán phụ thuộc Ngân hàng, bao gồm các sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.
- bb. “*Đơn vị thành viên*” là các Đơn vị trực thuộc và Công ty có liên quan của Ngân hàng.
- cc. “*Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng*” là người được Ngân hàng ủy quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại các Công ty có liên quan theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.
- dd. “*Lợi nhuận*” là tổng lợi nhuận hoạt động kinh doanh và lợi nhuận hoạt động khác. Trong đó lợi nhuận hoạt động kinh doanh bao gồm: Chênh lệch giữa tổng doanh thu từ việc cung cấp dịch vụ với tổng chi phí dịch vụ phát sinh trong kỳ và chênh lệch giữa tổng doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính với tổng chi phí hoạt động đầu tư tài chính phát sinh trong kỳ. Lợi nhuận hoạt động khác là chênh lệch giữa thu nhập từ hoạt động khác và chi phí hoạt động khác phát sinh trong kỳ.
- ee. “*Ngân hàng Nhà nước*” là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp và Luật các tổ chức tín dụng (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Mục 2 – Tên gọi, trụ sở, mục tiêu và phạm vi hoạt động

Điều 2. Tên gọi, trụ sở và thời hạn hoạt động của Ngân hàng

1. Tên Ngân hàng
 - Tên tiếng Việt: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam**
 - Tên tiếng Anh: **Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam**
 - Tên giao dịch: **Vietcombank**
 - Tên viết tắt: **VCB**
2. Trụ sở chính của Ngân hàng:

- Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
 - Điện thoại: (84-4) 39343137
 - Fax: (84-4) 38251322; 38241395; 39360049
 - E-mail: webmaster@vietcombank.com.vn
 - Website: <http://www.vietcombank.com.vn>
3. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 97 và Điều 98 Điều lệ này hoặc chuyển đổi hoạt động theo Điều 96 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 99 năm, kể từ Ngày thành lập.

Điều 3. Mạng lưới hoạt động của Ngân hàng

1. Ngân hàng có thể thành lập, mua lại Công ty con hoặc tham gia thành lập các Công ty liên kết trong và ngoài nước để thực hiện hoạt động kinh doanh khác có liên quan hoặc không liên quan đến hoạt động ngân hàng theo quy định của Pháp luật.
2. Ngân hàng có thể thành lập Chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và các hình thức hiện diện thương mại khác ở trong nước và nước ngoài theo quy định của Pháp luật.

Điều 4. Hình thức, tư cách pháp nhân, đại diện theo pháp luật và tài khoản của Ngân hàng

1. Ngân hàng được tổ chức dưới hình thức ngân hàng thương mại cổ phần hoạt động kinh doanh theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.
2. Ngân hàng có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Ngân hàng.
4. Ngân hàng mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước (Sở giao dịch hoặc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính và duy trì tại đó số dư tiền gửi dự trữ bắt buộc theo quy định của Pháp luật.
5. Sở giao dịch, chi nhánh của Ngân hàng có thể mở tài khoản tiền gửi tại chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi đặt trụ sở của sở giao dịch, chi nhánh.

Điều 5. Tôn chỉ, lĩnh vực kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Ngân hàng

1. Tôn chỉ của Ngân hàng là trở thành một tập đoàn tài chính ngân hàng để cung cấp dịch vụ đa dạng với chất lượng và hiệu quả cao tại khu vực.
2. Lĩnh vực kinh doanh của Ngân hàng bao gồm hoạt động kinh doanh quy định tại Điều lệ này.

3. Mục tiêu hoạt động của Ngân hàng là tối đa hoá lợi nhuận, tích lũy đầu tư cho phát triển, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế của đất nước.

Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Ngân hàng được phép tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo giấy phép thành lập và hoạt động do Ngân hàng Nhà nước cấp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của Pháp luật.
2. Ngân hàng có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác theo quy định tại Luật các Tổ chức Tín dụng, được Pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phê chuẩn theo quy định tại Điều lệ này.
3. Ngân hàng có phạm vi kinh doanh và hoạt động cả ở trong nước và ngoài nước.

Mục 3 – Các hoạt động chính

Ngân hàng thực hiện các hoạt động chính sau đây theo quy định của Pháp luật:

Điều 7. Hoạt động ngân hàng thương mại

1. Huy động vốn:
 - a. Ngân hàng huy động vốn dưới các hình thức sau:
 - Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác;
 - Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài;
 - Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn, vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; và
 - Các hình thức huy động vốn khác.
 - b. Việc huy động vốn có thể bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ và vàng theo quy định của Pháp luật.
2. Hoạt động tín dụng:

Ngân hàng cấp tín dụng cho tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước dưới các hình thức sau:

 - Cho vay;
 - Bảo lãnh ngân hàng;
 - Phát hành thẻ tín dụng;
 - Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế theo quy định của pháp luật;
 - Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; và
 - Các hình thức cấp tín dụng khác theo qui định của Pháp luật.
3. Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ:

- Ngân hàng mở tài khoản thanh toán và cung ứng các phương tiện thanh toán, cung ứng dịch vụ thanh toán và ngân quỹ cho khách hàng trong nước và ngoài nước theo quy định của Pháp luật. Các dịch vụ thanh toán được Ngân hàng cung ứng cho khách hàng gồm có:
 - Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
 - Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế và các dịch vụ thanh toán khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.
 - Ngân hàng được tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia. Ngân hàng được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.
4. Các dịch vụ ngân hàng thương mại khác:
- Ngân hàng thực hiện các hoạt động sau:
- Kinh doanh trên thị trường tiền tệ, thị trường ngoại hối, thị trường giao dịch hàng hoá kỳ hạn trong nước và nước ngoài theo quy định của Pháp luật. Sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản, Ngân hàng được kinh doanh, cung ứng dịch vụ cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các sản phẩm sau đây:
 - Ngoại hối;
 - Phái sinh về tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác.
 - Lưu ký chứng khoán, kinh doanh vàng trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế theo quy định của Pháp luật.
 - Được quyền uỷ thác, nhận uỷ thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kể cả việc quản lý tài sản, vốn đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng uỷ thác, đại lý.
 - Cung ứng các dịch vụ:
 - Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư;
 - Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp;
 - Dịch vụ môi giới tiền tệ;
 - Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn và các dịch vụ khác theo quy định của Pháp luật.
 - Các hoạt động khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 8. Góp vốn, mua cổ phần

1. Ngân hàng thực hiện hoạt động ngân hàng đầu tư dưới hình thức thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết để thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:
 - a) Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;

- b) Cho thuê tài chính;
 - c) Các hoạt động ngân hàng đầu tư khác theo quy định của Pháp luật.
2. Ngân hàng được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý tài sản bảo đảm, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.
 3. Ngân hàng được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:
 - a) Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.
 - b) Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.
 4. Ngân hàng, công ty con của Ngân hàng được mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 9. Bảo hiểm

Ngân hàng thực hiện cung ứng dịch vụ bảo hiểm sau đây dưới hình thức thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định của Pháp luật:

- Bảo hiểm nhân thọ;
- Bảo hiểm phi nhân thọ;
- Tái bảo hiểm; và
- Các dịch vụ bảo hiểm khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 10. Các hoạt động khác

Căn cứ các quy định của Pháp luật, Ngân hàng thực hiện các hoạt động khác bao gồm các lĩnh vực nhưng không hạn chế ở các loại hình sau:

- Góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng trong và ngoài nước theo quy định của Pháp luật;
- Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng;
- Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết, thuộc sở hữu của Ngân hàng;
- Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ vay. Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, Ngân hàng phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này để bảo đảm tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định và mục đích sử dụng tài sản cố định quy định tại Điều 140 của Luật các Tổ chức tín dụng; và
- Các hoạt động khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 11. Các hạn chế để đảm bảo an toàn trong hoạt động

Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng tuân thủ các quy định về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và quy định khác có liên quan của Pháp luật.

Điều 12. Áp dụng điều ước quốc tế và tập quán quốc tế trong hoạt động ngân hàng

1. Ngân hàng áp dụng điều ước quốc tế liên quan đến hoạt động ngân hàng mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.
2. Ngân hàng có thể thoả thuận với khách hàng áp dụng tập quán quốc tế có liên quan đến hoạt động ngân hàng, nếu tập quán đó không trái với các nguyên tắc cơ bản của Pháp luật Việt Nam.

Điều 13. Tổ chức chính trị - xã hội trong Ngân hàng

1. Các tổ chức chính trị - xã hội trong Ngân hàng hoạt động theo Hiến pháp - Pháp luật của Việt Nam và điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của Pháp luật.
2. Ngân hàng tôn trọng và tạo điều kiện để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức nêu tại khoản 1 Điều này.

CHƯƠNG II - VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU

Mục 1 – Vốn điều lệ

Điều 14. Vốn điều lệ của Ngân hàng

1. Vốn điều lệ của Ngân hàng tại thời điểm Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua là 26.650.203.340.000 đồng (*Hai mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi tỷ, hai trăm linh ba triệu, ba trăm bốn mươi nghìn đồng*).
2. Vốn điều lệ của Ngân hàng là vốn được ghi tại điều lệ Ngân hàng và được xác nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

Điều 15. Tăng, giảm vốn điều lệ

1. Ngân hàng có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ sau khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định tại Điều lệ này và quy định có liên quan của Pháp luật.
2. Các hình thức tăng vốn điều lệ Ngân hàng:
 - a. Phát hành cổ phiếu mới để huy động thêm vốn, kể cả trường hợp trả cổ tức bằng cổ phiếu.

- b. Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi đã phát hành thành cổ phiếu.
 - c. Kết chuyển nguồn thặng dư vốn để bổ sung tăng vốn điều lệ theo quy định của Pháp luật.
 - d. Các hình thức khác phù hợp với quy định có liên quan của Pháp luật.
3. Các hình thức giảm vốn điều lệ của Ngân hàng:
- a. Ngân hàng mua lại và hủy bỏ một số lượng cổ phiếu đã phát hành có mệnh giá tương ứng với số vốn dự kiến điều chỉnh giảm.
 - b. Các hình thức khác theo quy định có liên quan của Pháp luật.
- Việc giảm vốn điều lệ của Ngân hàng phải đảm bảo không được thấp hơn vốn pháp định của tổ chức tín dụng theo quy định của Pháp luật và phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

Mục 2 – Cổ phần, Cổ phiếu, Trái phiếu

Điều 16. Cổ phần

1. Mỗi cổ phần của Ngân hàng có mệnh giá là 10.000 đồng (bằng chữ: Mười nghìn đồng). Số lượng cổ phần của Ngân hàng bằng vốn điều lệ chia cho mệnh giá một cổ phần.
2. Vốn điều lệ của Ngân hàng tại thời điểm Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua được chia thành 2.665.020.334 cổ phần (*Hai tỷ, sáu trăm sáu mươi lăm triệu, không trăm hai mươi nghìn, ba trăm ba mươi tư cổ phần*).
3. Toàn bộ cổ phần của Ngân hàng vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.
4. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

Điều 17. Chào bán cổ phần

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
 - a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập.
 - b. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Ngân hàng.
 - c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
 - d. Cổ phần chào bán cho đối tượng khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Trường hợp Ngân hàng phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Ngân hàng thì phải thực hiện theo quy định sau đây:
 - a. Ngân hàng phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ. Thông báo phải được đăng báo trong ba số liên tiếp trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông báo.
 - b. Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu, hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua cổ phần do Ngân hàng phát hành.
 - c. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.
 - d. Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Ngân hàng đúng hạn như đã thông báo thì cổ đông có liên quan coi như không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của Ngân hàng hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Trung tâm giao dịch chứng khoán hoặc Sở giao dịch chứng khoán.
3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 1 Điều 24 Điều lệ này được ghi đúng, ghi đủ vào Sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Ngân hàng.
4. Sau khi cổ phần được bán, Ngân hàng phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Ngân hàng có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 24 Điều lệ này được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Ngân hàng.
5. Các quy định khác về điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 18. Mua lại cổ phần

1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Ngân hàng:

Ngân hàng được mua lại cổ phiếu của chính mình để làm cổ phiếu quỹ và được bán cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành theo quy định sau đây:

- a. Hội đồng quản trị Ngân hàng có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 (mười hai) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- b. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp qui định tại điểm c khoản 1 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Ngân hàng và cổ đông có liên quan không có thoả thuận nào khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.
- c. Ngân hàng có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Ngân hàng. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Ngân hàng.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Ngân hàng trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Ngân hàng chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

2. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:

- a. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Ngân hàng hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Ngân hàng có quyền yêu cầu Ngân hàng mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải lập thành văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Ngân hàng mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Ngân hàng trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.
- b. Ngân hàng phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản 2 Điều này với giá thị trường hoặc giá thỏa thuận trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Ngân hàng giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

3. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại:

- a. Ngân hàng chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại cho cổ đông quy định tại khoản 1 và 2 Điều này mà

vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định; trường hợp mua lại cổ phần dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Ngân hàng thì phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận trước bằng văn bản.

- b. Cổ phần được mua lại theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.
- c. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng được thanh toán đầy đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu gây ra đối với Ngân hàng.
- d. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Ngân hàng giảm hơn 10% thì Ngân hàng phải thông báo cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại.

Điều 19. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất có thể được lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Ngân hàng theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu tại khoản 1 Điều này phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới nhưng không ít hơn 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này và trong các trường hợp khác quy định tại Điều lệ này.
4. Cổ phần bị thu hồi hoặc được giao nộp sẽ trở thành tài sản của Ngân hàng. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán cho Ngân hàng tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ do Hội đồng quản trị quyết định nhưng không cao hơn lãi suất ngân hàng cùng kỳ hạn vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cần trong việc gửi thông báo.

Điều 20. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả cổ phần đều được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp Điều lệ này và Pháp luật có quy định khác.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.
3. Cổ phần của cổ đông chiến lược không được chuyển nhượng trong thời hạn theo thỏa thuận tại hợp đồng mua cổ phần Ngân hàng hoặc trong thời hạn theo quy định của Pháp luật, tùy thuộc thời hạn nào dài hơn.
4. Cổ phiếu của Ngân hàng khi được niêm yết trên Trung tâm giao dịch chứng khoán hoặc Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Trung tâm giao dịch chứng khoán hoặc Sở giao dịch chứng khoán.
5. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông.
6. Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.
7. Trong thời gian đang xử lý hậu quả theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước do trách nhiệm cá nhân, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc là đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;
 - b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo quyết định của Tòa án;
 - c) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện việc sáp nhập, hợp nhất bắt buộc quy định tại khoản 2 Điều 149 của Luật các Tổ chức tín dụng.

Điều 21. Thừa kế cổ phần

1. Việc thừa kế cổ phần thực hiện theo quy định của Điều lệ này, Pháp luật về thừa kế và các quy định khác có liên quan của Pháp luật.
2. Sau khi xuất trình đầy đủ các giấy tờ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp, người thừa kế thực hiện đăng ký các loại cổ phần được thừa kế tại sổ đăng ký cổ đông và trở thành cổ đông của Ngân hàng, được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế phù hợp với quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.

3. Người thừa kế cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và người quản lý khác được sở hữu cổ phần nhưng không được đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và các chức danh quản lý tương ứng.

Điều 22. Giới hạn sở hữu cổ phần

1. Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu vượt quá 5% vốn điều lệ của Ngân hàng.
2. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá 15% vốn điều lệ của Ngân hàng, trừ các trường hợp sau đây:
 - a) Sở hữu cổ phần theo quy định tại khoản 3 Điều 149 của Luật các Tổ chức tín dụng để xử lý Ngân hàng gặp khó khăn, bảo đảm an toàn hệ thống tổ chức tín dụng;
 - b) Sở hữu cổ phần nhà nước tại Ngân hàng;
 - c) Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật các Tổ chức tín dụng.
3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu vượt quá 20% vốn điều lệ của Ngân hàng.
4. Tỷ lệ sở hữu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này bao gồm cả phần vốn ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần.

Điều 23. Sử dụng cổ phần làm tài sản bảo đảm

Cổ đông có thể cầm cố cổ phần của Ngân hàng để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Pháp luật nhưng không được cầm cố tại chính Ngân hàng.

Điều 24. Sổ đăng ký cổ đông

1. Sổ đăng ký cổ đông được lập và lưu giữ dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này từ khi Ngân hàng được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng.
 - b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán từng loại.
 - c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.
 - d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc sổ đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức.
 - e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng hoặc trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc

của Ngân hàng hoặc trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.

3. Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên của Ngân hàng có trách nhiệm đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.

Điều 25. Cổ phiếu

1. Cổ đông của Ngân hàng được cấp chứng chỉ sở hữu cổ phần tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này.
2. Cổ phiếu của Ngân hàng phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng.
 - b. Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
 - c. Số lượng cổ phần và loại cổ phần.
 - d. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu.
 - e. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu có ghi tên.
 - f. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần.
 - g. Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Ngân hàng.
 - h. Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng và ngày phát hành cổ phiếu.
 - i. Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.
3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Ngân hàng hoặc trong thời hạn hai (2) tháng hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Ngân hàng, người sở hữu cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Ngân hàng chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.
4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên, chứng chỉ cổ phiếu cũ sẽ bị hủy bỏ và Ngân hàng sẽ cấp miễn phí chứng chỉ cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần còn lại.
5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi tên bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu ghi tên đó có thể yêu cầu Ngân hàng cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Ngân hàng.
6. Ngân hàng có thể phát hành cổ phiếu dưới hình thức bút toán ghi sổ. Hội đồng Quản trị có thể ban hành văn bản quy định việc phát hành, chuyển nhượng và các vấn đề liên quan đến các loại cổ phiếu này theo quy định của Pháp luật.

Điều 26. Phát hành trái phiếu

Đại hội đồng cổ đông quyết định việc phát hành trái phiếu chuyển đổi. Ngân hàng không được quyền phát hành trái phiếu trong các trường hợp sau đây, trừ trường hợp Pháp luật về chứng khoán có quy định khác:

- a. Không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong ba năm liên tiếp trước đó.
- b. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của ba năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho trái phiếu định phát hành.

Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi quy định tại điểm a và b Điều này.

CHƯƠNG III - CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT NGÂN HÀNG

Mục 1 - Cơ cấu tổ chức quản lý

Điều 27. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Tổng Giám đốc.
4. Ban kiểm soát.

Mục 2 - Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông

Điều 28. Cổ đông

1. Cổ đông là những người sở hữu Ngân hàng, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Quyền và trách nhiệm của mỗi cổ đông được giới hạn theo tỷ lệ cổ phần mà cổ đông nắm giữ.
2. Cổ đông được công nhận chính thức khi đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng.
3. Việc cử người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tại Ngân hàng thực hiện theo khoản 3 Điều 96 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của Pháp luật.

Điều 29. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

- a. Tham dự, phát biểu và biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết. Cổ đông có quyền gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản theo thẩm quyền và thể thức quy định tại Điều 39 Điều lệ này.
 - b. Được đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này.
 - c. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Được ưu tiên mua hoặc có quyền mua cổ phần mới mà Ngân hàng chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà cổ đông sở hữu.
 - e. Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông phù hợp với quy định của Điều lệ này và Pháp luật.
 - f. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.
 - g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ của Ngân hàng, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - h. Trong trường hợp Ngân hàng bị giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu, sau khi Ngân hàng đã thanh toán cho chủ nợ và cổ đông loại khác theo quy định của Pháp luật.
 - i. Yêu cầu Ngân hàng mua lại cổ phần của mình phù hợp với quy định của Điều lệ này và Pháp luật.
 - j. Được ủy quyền từng lần bằng văn bản cho người khác trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của Điều lệ này và Pháp luật.
 - k. Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Ngân hàng trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có các quyền:
- a. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Ngân hàng theo quy định tương ứng tại các khoản 6 Điều 43 và khoản 3 Điều 61 của Điều lệ này.
 - b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng các quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý Ngân hàng hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.
 - Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 (sáu) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.
- Yêu cầu triệu tập họp phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với các cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Ngân hàng, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu có các tài liệu, chứng từ về các vi phạm

của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

- c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính 6 (sáu) tháng đầu năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt nam và các báo cáo của Ban kiểm soát.
 - d. Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% trở lên tổng số cổ phần phổ thông của Ngân hàng trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có các quyền:
- a. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Ngân hàng; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.
 - b. Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.

Điều 30. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Tuân thủ Điều lệ Ngân hàng và các quy chế của Ngân hàng; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua và chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi số vốn đã góp vào Ngân hàng.
3. Không được rút vốn đã góp vốn bằng cổ phần phổ thông ra Ngân hàng dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Ngân hàng hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.
4. Bảo vệ uy tín, tài sản và lợi ích và giữ bí mật về các hoạt động của Ngân hàng.
5. Cổ đông chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Ngân hàng dưới mọi hình thức khi thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm Pháp luật.
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Ngân hàng.
6. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật.

Điều 31. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Ngân hàng, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội

đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải có đủ số lượng cổ đông tham dự tối thiểu theo quy định tại Điều 37 của Điều lệ này.
3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông chỉ có giá trị khi được các cổ đông hoặc người được uỷ quyền thông qua theo quy định tại Điều 38 của Điều lệ này.

Điều 32. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi các quy định của Pháp luật và Điều lệ này có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng theo đề xuất của Hội đồng quản trị.
- b. Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm, báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
- c. Thông qua phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận; mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó, cũng như trích lập, sử dụng các quỹ theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
- d. Quyết định tăng - giảm vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán.
- e. Thông qua đề nghị của Hội đồng quản trị về việc niêm yết hoặc huỷ bỏ niêm yết công khai bất kỳ hoặc tất cả cổ phiếu, quyền chọn mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng.
- f. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Ngân hàng theo quy định của Pháp luật.
- g. Thông qua các hợp đồng giao dịch của Ngân hàng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 75 của Điều lệ này.
- h. Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán.
- i. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ theo đề xuất của Hội đồng quản trị.
- j. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát khi hết nhiệm kỳ hoặc bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này.
- k. Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- l. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng.
- m. Phê chuẩn việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính tiếp theo theo đề xuất của Hội đồng quản trị.
- n. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Ngân hàng.
- o. Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản Ngân hàng.

- p. Giám sát và đánh giá các hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- q. Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- r. Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của Ngân hàng phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
- s. Quyết định thành lập công ty con.
- t. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
- u. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi.
- v. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật.

Điều 33. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần do Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng.
 - b. Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật hoặc ít hơn 2/3 số thành viên quy định trong Điều lệ này.
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Ngân hàng trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng.
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
 - e. Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c, d và e khoản 2 Điều này.
4. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật.
5. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Ngân hàng trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại

hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp, nếu xét thấy cần thiết.

6. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông là trên lãnh thổ Việt Nam.
7. Tất cả chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này sẽ do Ngân hàng hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
8. Trường hợp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không thực hiện được nhiệm vụ quy định tại các khoản 3 và 4 Điều này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Ngân hàng.

Điều 34. Thông báo mời họp, chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông tại Điều 33 Điều lệ này phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo quyết định đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp phải lập xong chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc đại hội dự kiến. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông gửi thông báo triệu tập họp cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 7 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Ngân hàng; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thời gian và địa điểm họp. Kèm theo thông báo mời họp phải có chương trình họp, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo quyết định đối với từng vấn đề trong chương trình họp, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.
4. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán (nếu cổ phiếu đã được niêm yết), trên website của Ngân hàng, 01 (một) tờ báo trung ương hoặc 01 (một) tờ báo địa phương nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Ngân hàng bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi

tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Ngân hàng, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Trường hợp Ngân hàng có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Ngân hàng đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Ngân hàng trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Ngân hàng ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 5 Điều này trong các trường hợp sau:
 - a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.
 - b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ trên 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng.
 - c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.
7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 5 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 35. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông là cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có quyền trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp. Người được ủy quyền không nhất thiết là cổ đông của Ngân hàng. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
2. Trường hợp cổ đông là pháp nhân mới sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ cổ đông thì cổ đông này gửi cho Hội đồng quản trị các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế để Hội đồng quản trị quyết định về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người được dự họp theo quy định của Pháp luật.
3. Việc ủy quyền lập thành văn bản theo mẫu của Ngân hàng được Hội đồng quản trị chấp thuận. Người được ủy quyền nộp văn bản này trước khi vào phòng họp. Văn bản ủy quyền của cổ đông phải bao gồm các chữ ký theo quy định sau:
 - a. Trường hợp cổ đông là cá nhân thì phải có chữ ký của cổ đông đó và chữ ký của người được ủy quyền dự họp.

- b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người này, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và chữ ký của người được uỷ quyền dự họp.
 - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.
4. Trừ trường hợp Ngân hàng nhận được thông báo bằng văn bản chậm nhất 24 (hai mươi tư) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, phiếu bầu của người được uỷ quyền trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực ngay cả khi người uỷ quyền đã:
 - a. Chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.
 - b. Huỷ bỏ hoặc chấm dứt việc uỷ quyền.
 5. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

Điều 36. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông có quyền dự họp theo danh sách tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ngân hàng sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
3. Chủ toạ, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ toạ của Đại hội đồng cổ đông. Chủ toạ không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp bầu Chủ toạ, tên Chủ toạ được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ toạ phải được công bố, người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ toạ cuộc họp.
 - b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ toạ cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ toạ cuộc họp.
 - c. Chủ toạ cử một người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu không quá ba người theo đề nghị của Chủ toạ cuộc họp.
4. Đại hội đồng cổ đông thông qua chương trình và nội dung họp ngay trong phiên khai mạc. Chương trình nêu rõ thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ biểu quyết được thu theo thứ tự sau đây: thẻ tán thành, thẻ không tán thành, thẻ không có ý kiến, cuối cùng đếm tổng số phiếu biểu quyết tán thành hay không tán thành, không có ý kiến để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Tuy nhiên, Chủ toạ không được dừng cuộc họp để người đến muộn đăng ký; hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.
7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác.
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ toạ, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ toạ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ toạ quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội đồng cổ đông nếu nhận thấy rằng:
 - a. Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội;
 - b. Hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp; hoặc
 - c. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

Ngoài ra, chủ toạ có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.
9. Trường hợp chủ toạ hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số người dự họp để thay thế Chủ toạ điều hành cuộc họp đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
10. Chủ toạ hoặc thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lệ và có trật tự, hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
11. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có

thể từ chối hoặc trực xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

12. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

- a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông.
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó.
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

13. Trong trường hợp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm họp đại hội có thể:

- a. Thông báo rằng cuộc họp đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa cuộc họp đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”).
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo khoản này hoặc những người muốn tham dự ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự họp đại hội.

Thông báo về việc tổ chức họp đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo khoản này.

14. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Điều 37. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành họp đại hội lần hai, và trong trường hợp này cuộc họp đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
4. Theo đề nghị Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 38. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các vấn đề sau đây phải được thực hiện thông qua hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng.
 - b. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng.
 - c. Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng.
 - d. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng.
3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - a. Được số cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại đại hội chấp thuận.
 - b. Đối với quyết định về các vấn đề quy định tại các điểm d, f, i, n và o Điều 32 của Điều lệ này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội chấp thuận.
4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
5. Trong trường hợp thông qua các quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.
6. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và người ủy quyền tham dự đại diện cho 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết cùng bỏ phiếu là hợp pháp và có hiệu lực thi hành, kể cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.
7. Số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông biểu quyết bằng số cổ phần mà cổ đông sở hữu hoặc là người đại diện chủ sở hữu.
8. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

- a. Các hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều 75 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc Người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng.
 - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của Người có liên quan tới cổ đông đó.
9. Quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến và được thông báo đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 39. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Ngân hàng.
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.
 - d. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
 - e. Thời hạn phải gửi về Ngân hàng phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.
5. Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ. Nếu hết thời hạn trả lời ghi trong phiếu lấy ý kiến mà cổ đông không trả lời thì coi như cổ đông đó đã đồng ý về vấn đề cần lấy ý kiến, trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Ngân hàng. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng, nơi đăng ký kinh doanh.
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.
 - e. Các quyết định đã được thông qua.
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.
9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Thay đổi các quyền

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến vốn cổ phần của Ngân hàng được chia thành các loại cổ phần khác nhau, về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.
2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 37 và Điều 38 Điều lệ này.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Ngân hàng không bị thay đổi khi Ngân hàng phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 41. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được ghi vào sổ biên bản của Ngân hàng. Biên bản họp được lập bằng tiếng Việt gồm các nội dung chủ yếu sau:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Ngân hàng.
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp.
 - d. Chủ toạ và thư ký.
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó nêu rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến, tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - h. Các quyết định đã được thông qua.
 - i. Họ, tên, chữ ký của Chủ toạ và thư ký.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
 3. Chủ toạ và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn quyết định đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

Điều 42. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm các quy định của Điều lệ này hoặc Pháp luật.

Mục 3 - Hội đồng quản trị

Điều 43. Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Số thành viên của Hội đồng quản trị không ít hơn 05 (năm) người và không nhiều hơn 11 (mười một) người, số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng, trong đó có ít nhất 01 (một) thành viên độc lập theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng.
3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị, nhưng không được vượt quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước.
4. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên trong Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số lần không hạn chế. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc được Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ, khi đó nhiệm kỳ của thành viên mới là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát.
6. Nguyên tắc đề cử người vào Hội đồng quản trị được thực hiện như sau: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng cử viên.
7. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử; hoặc tổng số ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử không đủ số lượng dự kiến bầu; hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đề cử.

Điều 44. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị của Ngân hàng chịu trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả hoạt động của Ngân hàng và có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- a. Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoặc chuẩn y các vấn đề theo quy định của Pháp luật;
- b. Trình Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng:
 - (i) Định hướng phát triển của Ngân hàng.
 - (ii) Sửa đổi, bổ sung điều lệ của Ngân hàng.
 - (iii) Tăng, giảm vốn điều lệ của Ngân hàng.
 - (iv) Các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại.
 - (v) Việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước.
 - (vi) Phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả và mức cổ tức tạm thời hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
 - (vii) Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm.
 - (viii) Việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính tiếp theo.
 - (ix) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Ngân hàng.
 - (x) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 32 của Điều lệ này.
- c. Quản lý Ngân hàng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này và vì lợi ích của Ngân hàng, cổ đông và người gửi tiền.
- d. Quyết định giá chào bán cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác của Ngân hàng.
- e. Quyết định việc mua lại cổ phần theo Điều 18 của Điều lệ này và các quy định khác có liên quan của Pháp luật.
- f. Quyết định các khoản cho vay, bảo lãnh, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, theo quy định của Pháp luật.
- g. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản Ngân hàng có giá trị từ 10% trở lên hoặc một tỷ lệ thấp hơn so với vốn điều lệ của Ngân hàng được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Ngân hàng, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng quy định tại điểm f Điều 32 của Điều lệ này.
- h. Thông qua các hợp đồng, giao dịch của Ngân hàng theo quy định tại khoản 3 Điều 75 của Điều lệ này.
- i. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
- j. Cử người đại diện phần vốn góp của Ngân hàng đầu tư vào doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
- k. Quyết định thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc hoặc khi Hội đồng quản trị thấy cần thiết

- l. Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành của Trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và công ty con của Ngân hàng.
 - m. Chịu trách nhiệm về hoạt động bộ phận kiểm toán nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
 - n. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc của Ngân hàng.
 - o. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và quyết định khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác của Giám đốc khối, Phó Giám đốc khối, Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng quản trị, các chức danh thuộc kiểm toán nội bộ của Ngân hàng, Giám đốc Sở Giao dịch, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Công ty con, Trưởng văn phòng đại diện, Giám đốc đơn vị sự nghiệp và Giám đốc Trung tâm tại Trụ sở chính của Ngân hàng và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị trên cơ sở các quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.
 - p. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của Pháp luật, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông.
 - q. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.
 - r. Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên và báo cáo tài chính của Ngân hàng theo quy định của Pháp luật.
 - s. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng và việc thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
 - t. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - u. Ban hành văn bản dưới hình thức phù hợp để ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này, khi thấy cần thiết.
 - v. Quyết định lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.
 - w. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật.
2. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo nguyên tắc đa số quá bán. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết có giá trị ngang nhau.
 3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tuân thủ đúng các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Điều lệ này và của Pháp luật. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của Điều lệ Ngân hàng và/hoặc Pháp luật gây thiệt hại cho Ngân hàng thì các thành viên chấp nhận thông qua quyết định đó cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết

định đó và phải đền bù thiệt hại cho Ngân hàng; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Ngân hàng liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

Điều 45. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu ra một Chủ tịch và một đến hai Phó chủ tịch trong số các thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam trong suốt nhiệm kỳ của mình.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải là thành viên Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm và không đồng thời là thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên hội đồng quản trị, người điều hành của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là Công ty con của Ngân hàng.
4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị:
 - a. Triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - c. Chuẩn bị nội dung, tài liệu, chương trình phục vụ cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc đề lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - d. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện và giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định đó.
 - e. Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Ngân hàng, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - f. Đảm bảo rằng các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác, và dễ hiểu liên quan đến các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét.
 - g. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - h. Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ quyền hạn của họ.
 - i. Giám sát Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
 - j. Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các ủy ban của Hội đồng quản trị tối thiểu mỗi năm một lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.
 - k. Đảm bảo rằng người lao động có thể được báo cáo về những bất bình thường liên quan đến tình hình tài chính, hoạt động và các vấn đề chung, kể

cả các vi phạm về quy tắc đạo đức của Ngân hàng, với Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên độc lập khác của Hội đồng quản trị.

- l. Ký kết hợp đồng nhân danh Ngân hàng theo quy định của Điều lệ này và quy định nội bộ của Ngân hàng.
 - m. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật.
5. Chủ tịch uỷ quyền bằng văn bản cho một Phó chủ tịch thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình trong thời gian Chủ tịch vắng mặt và thông báo cho các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Ngân hàng biết về việc uỷ quyền này. Nếu Chủ tịch vắng mặt mà không uỷ quyền cho Phó chủ tịch hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình, thì các thành viên còn lại bầu một Phó chủ tịch tạm thời giữ chức Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó chủ tịch đều vắng mặt hoặc không thể làm việc được thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị bầu một người khác trong số họ để tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

Điều 46. Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm cả Chủ tịch Hội đồng quản trị và (các) Phó chủ tịch Hội đồng quản trị, có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- a. Cùng với các thành viên khác của Hội đồng quản trị quản trị Ngân hàng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng.
- b. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của Ngân hàng.
- c. Nghiên cứu báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người quản trị, điều hành ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.
- d. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, các Phó chủ tịch Hội đồng quản trị.
- e. Yêu cầu Chủ tịch triệu tập cuộc họp bất thường của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ này.
- f. Yêu cầu Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, người quản lý các Đơn vị trực thuộc Ngân hàng cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và các Đơn vị trực thuộc để thực hiện nhiệm vụ của mình.
- g. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc định hướng phát triển, phương án kinh doanh của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- h. Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nội dung cuộc họp, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích. Chịu trách nhiệm cá nhân trước Pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình.

- i. Thực hiện các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông phù hợp với Điều lệ này và quy định của Pháp luật. Thực hiện các công việc theo phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- j. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.
- k. Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật.

Điều 47. Thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị

1. Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao công việc và tiền thưởng dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng.
2. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại các cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định khác có liên quan của Pháp luật và phải ghi thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại các cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác theo quy định khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng.

Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý Ngân hàng theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - b. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định của Pháp luật về ngân hàng.
 - c. Là cá nhân sở hữu hoặc người được ủy quyền đại diện sở hữu ít nhất 5% vốn điều lệ của Ngân hàng, trừ trường hợp là thành viên độc lập của Hội đồng quản trị hoặc có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc có ít nhất 03 năm là người quản lý của tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp hoạt động trong ngành bảo hiểm, chứng khoán, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kiểm toán hoặc kế toán.
 - d. Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp và hiểu biết Pháp luật.
2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng các điều kiện độc lập theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 1 của Điều lệ này.

Điều 49. Hợp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị đề bầu Chủ tịch, (các) Phó chủ tịch Hội đồng quản trị và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị Ngân hàng họp định kỳ và bất thường. Các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị tổ chức ít nhất mỗi quý một lần do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập.
3. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường theo đề nghị của một trong các đối tượng sau:
 - a. Tổng Giám đốc hoặc Ban kiểm soát.
 - b. Ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị.
 - c. Ít nhất năm người quản lý của Ngân hàng.

Đề nghị phải lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Người có thẩm quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị có quyền từ chối đề nghị nêu trên nếu vấn đề cần thảo luận và quyết định không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị triệu tập nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập cuộc họp, người đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này có thể thay thế triệu tập họp Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị dự họp bỏ phiếu bầu chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trong trường hợp này, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng, trừ trường hợp không thể triệu tập được vì lý do bất khả kháng.
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Ngân hàng.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị gửi thông báo mời họp chậm nhất 5 (năm) ngày trước ngày họp, các thành viên Hội đồng có thể khước từ quyền nhận thông báo mời họp bằng văn bản và việc khước từ này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo mời họp làm bằng văn bản và bằng tiếng Việt, trong đó nêu rõ chương trình, thời gian và địa điểm họp, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp là các tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị. Thông báo mời họp gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác và phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Ngân hàng. Thông báo mời họp không kèm theo phiếu biểu quyết cũng phải được đảm bảo gửi đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.

7. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị tiến hành tại trụ sở Ngân hàng hoặc những địa điểm khác thuận tiện trên lãnh thổ Việt Nam, hoặc tại địa điểm khác theo sự nhất trí chung của các thành viên Hội đồng quản trị.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định, thì được triệu tập lần thứ hai trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Khi không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền biểu quyết cho thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Thành viên Ban kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
10. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp, và
 - b. Nếu muốn, thành viên đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ này hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp trong trường hợp này là địa điểm nơi nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Điều 50. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, thư điện tử hoặc fax.
2. Quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp:
 - a. Trừ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt tại cuộc họp có một phiếu biểu quyết.
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc Người có liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Ngân hàng.

- c. Trong cuộc họp của Hội đồng quản trị, khi có vấn đề phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.
 - d. Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 1 Điều 75 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
3. Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị tại cuộc họp:

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua khi được đa số thành viên dự họp biểu quyết đồng ý, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì nghị quyết, quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến chấp thuận của chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên không dự họp biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết đựng trong phong bì kín được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Phiếu biểu quyết hợp lệ bằng văn bản có giá trị ngang bằng với phiếu biểu quyết của những người trực tiếp dự họp.

Các nghị quyết, quyết định được thông qua trong một cuộc họp có sử dụng điện thoại hoặc các phương tiện thông tin liên lạc được tổ chức và tiến hành một cách hợp lệ theo quy định tại khoản 10 Điều 49 Điều lệ này có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này trong biên bản họp Hội đồng quản trị.

Điều 51. Biên bản họp hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được ghi vào sổ biên bản, trường hợp cần thiết có thể ghi âm, ghi hình. Biên bản được lập bằng tiếng Việt, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng, nơi đăng ký kinh doanh.
 - b. Mục đích, chương trình và nội dung họp.
 - c. Thời gian, địa điểm họp.
 - d. Họ, tên từng thành viên Hội đồng quản trị dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp, thành viên biểu quyết bằng văn bản; họ, tên các thành viên Hội đồng quản trị không dự họp và lý do.
 - e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.

- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên Hội đồng quản trị dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
 - h. Các nghị quyết, quyết định được thông qua.
 - i. Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên Hội đồng quản trị hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi lý do thì biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó đối với những nội dung tại cuộc họp coi như không có giá trị.
2. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc chủ tọa có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười ngày) kể từ khi chuyển đi.
 3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp đó phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

Điều 52. Dương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ dương nhiên bị mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 48 của Điều lệ này.
 - b. Chết.
 - c. Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị đó là người đại diện theo ủy quyền chấm dứt.
 - d. Tư cách làm người đại diện theo ủy quyền chấm dứt.
 - e. Khi bị Tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam.
 - f. Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.
2. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp:
 - a. Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế.
 - b. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - c. Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị của Ngân hàng.
 - d. Không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập đối với thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
 - e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật.

3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định thì trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số thành viên, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị bầu một Phó chủ tịch Hội đồng quản trị lên thay theo nguyên tắc đa số. Trong trường hợp cả Chủ tịch và Phó chủ tịch đương nhiên mất tư cách thành viên hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm thì Hội đồng quản trị bầu một trong số các thành viên còn lại tạm thay thế và đảm nhiệm chức danh Chủ tịch trong thời hạn chậm nhất 10 (mười) ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện trên.

Điều 53. Các ủy ban giúp việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải thành lập và duy trì các ủy ban sau đây:
 - a. Ủy ban quản lý rủi ro; và
 - b. Ủy ban nhân sự.

Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể, số lượng và tiêu chuẩn của các thành viên của các ủy ban này do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định của Pháp luật.

2. Ngoài các ủy ban giúp việc quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị có thể thành lập các ủy ban giúp việc khác, nếu cần thiết.

Điều 54. Phòng thư ký Hội đồng quản trị Ngân hàng

1. Hội đồng quản trị thành lập Phòng Thư ký Hội đồng quản trị Ngân hàng làm việc thường xuyên tại Ngân hàng. Hội đồng quản trị lựa chọn, bãi nhiệm các cán bộ làm việc tại Phòng Thư ký Hội đồng quản trị Ngân hàng phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành.
2. Vai trò và nhiệm vụ của Phòng Thư ký Hội đồng quản trị Ngân hàng bao gồm:
 - a. Trợ giúp tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - b. Ghi chép và lập biên bản các cuộc họp.
 - c. Tư vấn về trình tự, thủ tục của các cuộc họp.
 - d. Thu thập tài liệu, cung cấp thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị.
 - e. Các nhiệm vụ khác theo phân công của Hội đồng quản trị.
3. Số lượng cán bộ làm việc tại Phòng Thư ký Hội đồng quản trị Ngân hàng; chi phí hoạt động, tiền lương và tiền thưởng của cán bộ làm việc tại Phòng Thư ký Hội đồng quản trị Ngân hàng do Hội đồng quản trị quyết định. Các chi phí này hạch toán vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng.
4. Cán bộ của Phòng Thư ký Hội đồng quản trị Ngân hàng không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán hiện đang kiểm toán cho Ngân hàng.

5. Phòng Thư ký Hội đồng quản trị Ngân hàng có trách nhiệm bảo mật thông tin theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

Điều 55. Sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp

Hội đồng quản trị và các ủy ban của Hội đồng quản trị có quyền thuê nhân viên và tư vấn độc lập, các kế toán độc lập, và các tư vấn bên ngoài khác để thực hiện các công việc liên quan phù hợp với Điều lệ và quy định của Pháp luật, nếu cần thiết để thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của họ bằng chi phí của Ngân hàng mà không cần phải tham khảo trước bất kỳ một người quản lý nào của Ngân hàng.

Mục 4 - Tổng Giám đốc

Điều 56. Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng.
2. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị thuê hoặc bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc không đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị nhưng có thể là thành viên của Hội đồng quản trị.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 (năm) năm, trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định khác. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Tổng Giám đốc không đồng thời là người điều hành hoặc chủ tịch hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là Công ty con của Ngân hàng; không đồng thời tham gia điều hành doanh nghiệp khác.
5. Quyền và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc:
 - a. Trình Hội đồng quản trị của Ngân hàng:
 - (i) Các kiến nghị, đề xuất về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ngân hàng để Hội đồng quản trị quyết định theo thẩm quyền.
 - (ii) Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm.
 - (iii) Những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Ngân hàng.
 - (iv) Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Ngân hàng.
 - (v) Việc quản trị Ngân hàng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông tại Điều 32 của Điều lệ này.
 - (vi) Phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của Ngân hàng

- (vii) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Điều 44 của Điều lệ này mà Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị theo quy định nội bộ của Ngân hàng, Điều lệ này và Pháp luật.
- b. Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Ngân hàng đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - c. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy định nội bộ của Ngân hàng, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Ngân hàng theo những thông lệ quản lý tốt nhất.
 - d. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Ngân hàng, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và Pháp luật.
 - e. Thiết lập, duy trì và phát triển hệ thống kiểm soát nội bộ hợp lý và hoạt động có hiệu quả.
 - f. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; các quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo.
 - g. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp (như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố) vì lợi ích của Ngân hàng và chịu trách nhiệm về các quyết định này, sau đó phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị để giải quyết tiếp.
 - h. Lập báo cáo kiểm tra, kiểm soát nội bộ để báo cáo về kết quả tự kiểm tra, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ.
 - i. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền đối với việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của mình.
 - j. Bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật các chức danh quản lý trong Ngân hàng, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Tuyển dụng lao động; quyết định mức lương, thưởng, phụ cấp (nếu có) và lợi ích khác đối với những người thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, tuyển dụng.
 - k. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Ngân hàng (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Ngân hàng theo kế hoạch kinh doanh.
 - l. Đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật.
 - m. Báo cáo Hội đồng quản trị, Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền về kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật.
 - n. Ký kết hợp đồng nhân danh Ngân hàng theo văn bản ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng.
 - o. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản Ngân hàng có giá trị dưới 10% vốn điều lệ của Ngân hàng được ghi trong báo cáo tài chính đã được

kiểm toán gắn nhất theo hướng dẫn nội bộ của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

p. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.

Điều 57. Giúp việc cho Tổng Giám đốc

1. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối, Phó Giám đốc khối, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng, ban, trung tâm tại trụ sở chính của Ngân hàng và người quản lý khác do Tổng Giám đốc thuê, ký hợp đồng, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc sa thải.
2. Hội đồng quản trị phê duyệt đề xuất của Tổng Giám đốc về việc phân công nhiệm vụ đối với các chức danh Phó Tổng Giám đốc để Tổng Giám đốc ký văn bản phân công. Phó Tổng Giám đốc trợ giúp Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng theo phân công, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nội dung được phân công.
3. Số lượng Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc.
4. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Ngân hàng, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật.

Điều 58. Thù lao của Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị quyết định tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc căn cứ theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương và các chi phí cho hoạt động của Tổng Giám đốc tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định khác có liên quan của Pháp luật và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng.

Điều 59. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc Ngân hàng phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - b. Không thuộc đối tượng không được là Tổng Giám đốc theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định của Pháp luật về ngân hàng.
 - c. Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật; Có ít nhất 05 năm làm người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm làm Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với từng loại hình tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán hoặc kiểm toán.
 - d. Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp và hiểu biết luật pháp.
 - e. Cư trú ở Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

2. Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a. Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại điểm a, d và e khoản 1 Điều này.
 - b. Không thuộc đối tượng không được là Phó Tổng Giám đốc theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định của Pháp luật về ngân hàng.
 - c. Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm hoặc có trình độ đại học trở lên ngoài các chuyên ngành, lĩnh vực nêu trên nhưng có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm.

Điều 60. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau:
 - a. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 59 tại Điều lệ này.
 - b. Chết.
 - c. Khi bị tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam.
 - d. Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.
 - e. Khi hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực.
2. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế.
 - b. Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Ngân hàng.
 - c. Theo quyết định của Hội đồng quản trị.
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.
3. Hội đồng quản trị miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc theo điểm c khoản 2 Điều này khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng quản trị, không bao gồm Tổng Giám đốc trong trường hợp Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, bỏ phiếu tán thành. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có quyền phản đối việc miễn nhiệm, bãi nhiệm này tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.
4. Trong trường hợp Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị gửi thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước và cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền và cử người tạm thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thông báo, Hội đồng quản trị tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm hoặc thuê Tổng Giám đốc mới.

Mục 5 - Ban kiểm soát

Điều 61. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt các cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Ngân hàng, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện nhiệm vụ được giao.
2. Ban kiểm soát có ít nhất 03 (ba) thành viên, số lượng thành viên Ban kiểm soát cụ thể của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định, trong đó có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác. Ban kiểm soát có ít nhất 01 (một) thành viên có chuyên môn về tài chính kế toán.
3. Nguyên tắc đề cử người vào Ban kiểm soát được thực hiện như sau: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng cử viên. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông nói trên đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, số ứng cử viên còn lại sẽ do Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử.
4. Ban kiểm soát bầu một thành viên là cổ đông của Ngân hàng làm Trưởng Ban kiểm soát.
5. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm; các thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trưởng Ban kiểm soát phân công công việc cho các thành viên Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Ban kiểm soát.
6. Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
 - a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành, nhân viên của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Ngân hàng là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;
 - b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành tại Ngân hàng.
7. Trưởng Ban Kiểm soát không đồng thời là thành viên Ban kiểm soát, người điều hành của tổ chức tín dụng khác.

Điều 62. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát:

1. Giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong việc quản lý và điều hành Ngân hàng; chịu trách nhiệm trước Pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.
2. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát, ngoại trừ văn bản phải có sự phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm q Điều 32 của Điều lệ này.
3. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
4. Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm và 06 (sáu) tháng của Ngân hàng. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh, công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
5. Thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
6. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng phù hợp với quy định của pháp luật.
7. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn việc điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
8. Lập, lưu giữ và cập nhật danh sách những Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cổ đông sở hữu tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng.
9. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
10. Kịp thời thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị khi phát hiện trường hợp vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc người quản lý của Ngân hàng đối với nghĩa vụ quy định tại Điều 74 Điều lệ này, các quy định khác của Điều lệ và quy định Pháp luật hiện hành có liên quan, đồng

thời yêu cầu người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, nếu có.

11. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.
12. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Pháp luật về ngân hàng hoặc có quyết định vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.
13. Có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ của mình.
14. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật.

Điều 63. Quyền và nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát

Trưởng Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.
2. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề và mối quan tâm của các thành viên Ban kiểm soát liên quan đến các vấn đề quy định tại Điều 62 Điều lệ này.
3. Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.
4. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Kiểm soát theo quy định nội bộ của Ngân hàng.
5. Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.
6. Đảm bảo các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác, và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.
7. Đề nghị Hội đồng quản trị họp phiên bất thường để xử lý những trường hợp vi phạm quy định của Điều lệ này và Pháp luật và thay mặt Ban kiểm soát triệu tập, chủ trì cuộc họp bất thường của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.
8. Ủy quyền cho một trong số các thành viên Ban kiểm soát đảm nhiệm công việc của Trưởng ban trong thời gian vắng mặt.
9. Có các quyền và nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát tại Điều 64 của Điều lệ này.
10. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật.

Điều 64. Quyền và nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên Ban kiểm soát theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ này, quy định nội bộ của Ban kiểm soát một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của Ngân hàng, Đại hội đồng cổ đông.
2. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát.
3. Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập họp Ban kiểm soát bất thường.
4. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và kiến nghị các biện pháp khắc phục sai phạm nếu có.
5. Được yêu cầu cán bộ, nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và giải thích về các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
6. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về các hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về các đánh giá và kết luận của mình.
7. Tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề quy định tại Điều 62 Điều lệ này, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích.
8. Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị, nhưng không được biểu quyết.
9. Yêu cầu ghi lại các ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trực tiếp lên Đại hội đồng cổ đông.
10. Yêu cầu họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.
11. Đề nghị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.
12. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác được quy định trong Điều lệ này và quy định của Pháp luật.

Điều 65. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Ngân hàng phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
3. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Ngân hàng lưu trữ tại trụ sở chính, chi nhánh và các địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên Ngân hàng làm việc.
4. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo yêu cầu của Ban kiểm soát, phải bảo đảm rằng tất cả bản sao chụp các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 66. Thù lao của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Các chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập của thành viên Ban kiểm soát được Ngân hàng thanh toán theo quy định.
3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định khác có liên quan của Pháp luật và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng.

Điều 67. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- b. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định của Pháp luật về ngân hàng.
- c. Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán.
- d. Không phải là Người có liên quan của người quản lý của Ngân hàng.
- e. Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
- f. Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp và hiểu biết luật pháp.

Điều 68. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 67 Điều lệ này.
 - b. Chết.
 - c. Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà thành viên Ban kiểm soát đó là người đại diện theo ủy quyền chấm dứt.
 - d. Tư cách làm người đại diện theo ủy quyền chấm dứt.
 - e. Khi bị tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam.
 - f. Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.
2. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a. Năng lực dân sự bị hạn chế.
 - b. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - c. Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Ngân hàng.
 - d. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - e. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật.
3. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Ngân hàng thì Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.
 4. Trong trường hợp khuyết thành viên Ban kiểm soát mà những thành viên Ban kiểm soát còn lại không có chuyên môn về tài chính kế toán, Trưởng Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung.
 5. Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị mất tư cách thành viên Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu một thành viên Ban kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này) làm Trưởng Ban kiểm soát.
 6. Trưởng Ban Kiểm soát muốn từ chức Trưởng Ban kiểm soát, phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận đơn, Ban kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng Ban kiểm soát theo quy định hiện hành. Trường hợp các thành viên Ban kiểm soát còn lại không phải là cổ đông, trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày (kể từ ngày nhận đơn xin từ chức Trưởng Ban kiểm soát), Ban kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để quyết định số thành viên Ban kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ này và bầu thành viên Ban kiểm soát trong số các cổ đông của Ngân hàng, sau đó tiến hành thủ tục bầu Trưởng Ban kiểm soát.
 7. Thành viên Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất quyết định.
 8. Trường hợp bị giảm quá 1/3 (một phần ba) số thành viên Ban kiểm soát hoặc không đủ số thành viên Ban kiểm soát tối thiểu theo quy định của Điều lệ Ngân hàng, trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban kiểm soát theo quy định, Ban kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.
 9. Trong các trường hợp khác, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban kiểm soát đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

Điều 69. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Cuộc họp Ban kiểm soát đầu tiên phải được tổ chức trong vòng 7 (bảy) ngày sau bầu cử Ban kiểm soát đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau, thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ để triệu tập họp Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát họp định kỳ và bất thường. Các cuộc họp định kỳ của Ban kiểm soát tổ chức ít nhất mỗi quý một lần do Trưởng Ban kiểm soát hoặc người tạm thời giữ chức Trưởng Ban kiểm soát triệu tập.
3. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của một trong các đối tượng sau đây:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - b. Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng quản trị.
 - c. Trưởng Ban kiểm soát.
 - d. Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm soát.
 - e. Tổng Giám đốc.
4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm a, b, d, e của khoản 3 Điều này, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường. Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định và tiến hành họp Ban kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng Ban kiểm soát, bầu một thành viên Ban kiểm soát đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng Ban kiểm soát theo quy định hiện hành, hoặc quyết định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).
5. Các cuộc họp Ban kiểm soát sẽ được tiến hành ở địa chỉ trụ sở đã đăng ký của Ngân hàng.
6. Thông báo mời họp Ban kiểm soát phải được gửi cho các thành viên Ban kiểm soát tối thiểu 05 (năm) ngày trước ngày họp. Thông báo về cuộc họp Ban kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: Chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát và cả các phiếu biểu quyết cho những thành viên Ban kiểm soát. Những thành viên Ban kiểm soát không thể dự họp sẽ gửi phiếu biểu quyết cho Ban kiểm soát trước khi họp.

Điều 70. Thông qua quyết định của Ban kiểm soát

1. Mỗi thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Nếu thành viên Ban kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho

- một thành viên Ban kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.
- Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
 - Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính quyết định cuối cùng trừ trường hợp bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.
 - Bất kỳ thành viên Ban kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu tại khoản 1 Điều 75 của Điều lệ này sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.
 - Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tọa cuộc họp.
 - Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến.

Điều 71. Biên bản họp của Ban kiểm soát

- Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản.
- Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi biên bản cuộc họp Ban kiểm soát cho các thành viên Ban kiểm soát và biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của biên bản đó trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản.

Điều 72. Sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp

Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của mình, Ban kiểm soát có quyền thuê các nhân viên và tư vấn bên ngoài, kế toán viên độc lập hoặc các nhà tư vấn khác khi cần thiết để thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình bằng chính chi phí của Ngân hàng phù hợp với quy định của Điều lệ này và Pháp luật mà không phải xin ý kiến trước của bất kỳ người quản lý nào của Ngân hàng.

Mục 6 - Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Người quản lý khác của Ngân hàng

Điều 73. Công khai các lợi ích có liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Ngân hàng phải công khai với Ngân hàng các thông tin sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho người, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp, tổ chức đó.
 - b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên hội đồng quản trị, thành viên hội đồng thành viên, thành viên ban kiểm soát, giám đốc, tổng giám đốc.
2. Việc công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.
3. Ngân hàng phải công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này định kỳ hàng năm cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên gần nhất và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

Điều 74. Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Người quản lý khác của Ngân hàng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành, Kế toán trưởng, giám đốc Khối, giám đốc chi nhánh, giám đốc sở giao dịch, giám đốc Công ty con, giám đốc đơn vị sự nghiệp và giám đốc trung tâm tại trụ sở chính của Ngân hàng có nghĩa vụ:

- a. Tuân thủ Pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định của Pháp luật trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- b. Thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà mình tin là vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.
- c. Trung thành với lợi ích của Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Ngân hàng, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Ngân hàng để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của Ngân hàng.
- d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ngân hàng về quyền lợi có thể gây xung đột mà họ có được ở các tổ chức kinh tế, các giao dịch hoặc cá

nhân khác và chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi Hội đồng quản trị đã xem xét và chấp thuận.

- e. Không được cạnh tranh bất hợp pháp với Ngân hàng hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của Ngân hàng.
- f. Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc Người có liên quan của mình vay vốn Ngân hàng với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của Pháp luật và quy định của Ngân hàng.
- g. Không được tăng lương, trả thưởng khi Ngân hàng bị lỗ.
- h. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật.

Điều 75. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Ngân hàng với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận (trừ các giao dịch cho vay theo quy định tại Điều 126 và Điều 127 Luật các Tổ chức tín dụng):
 - a. Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông của Ngân hàng trở lên và những Người có liên quan của họ.
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc.
 - c. Doanh nghiệp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 73 của Điều lệ này và Người có liên quan của Người quản lý Ngân hàng.
 - d. Công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng.
2. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị trên 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với các đối tượng nêu tại khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu là của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.
3. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với các đối tượng nêu tại khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết. Tổng Giám đốc Ngân hàng gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị và niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của Ngân hàng dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
4. Trường hợp hợp đồng được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này thì hợp đồng đó bị vô hiệu và được xử lý theo quy định của Pháp luật. Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có liên quan gây thiệt hại cho Ngân hàng bị xử lý kỷ luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn

trả lại Ngân hàng các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 76. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và người quản lý không thực hiện nghĩa vụ của mình một cách trung thực, với sự cẩn trọng, miễn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại của Ngân hàng do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Ngân hàng sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, khiếu kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Ngân hàng thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Ngân hàng) nếu người đó thực hiện các nhiệm vụ của Ngân hàng với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, người quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Ngân hàng (hay Công ty con của Ngân hàng) uỷ quyền.
3. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí theo phán quyết của cơ quan giải quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ Pháp luật cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán và với năng lực chuyên môn vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích của Ngân hàng, trên cơ sở tuân thủ Pháp luật và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
4. Ngân hàng có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Mục 7 – Công nhân viên và công đoàn

Điều 77. Công nhân viên và công đoàn

Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động; xây dựng quy chế phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động cũng như những mối quan hệ của Ngân hàng với các tổ chức công đoàn để Hội đồng quản trị thông qua.

CHƯƠNG IV - MỐI QUAN HỆ GIỮA NGÂN HÀNG VÀ CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Mục 1 - Các đơn vị trực thuộc, Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng

Điều 78. Các Đơn vị trực thuộc, Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng

1. Ngân hàng có các Đơn vị trực thuộc, các Công ty con, Công ty liên kết. Danh sách các Đơn vị trực thuộc, Công ty con, Công ty liên kết tại thời điểm phê duyệt Điều lệ được ghi tại Phụ lục 1 đính kèm Điều lệ này.
2. Ngân hàng có thể thành lập các Đơn vị trực thuộc ở trong nước và nước ngoài để hỗ trợ hoạt động của Ngân hàng theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi Pháp luật cho phép.

Mục 2 - Quan hệ giữa Ngân hàng với các đơn vị trực thuộc

Điều 79. Quan hệ giữa Ngân hàng với các đơn vị trực thuộc

Các Đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc Ngân hàng, thực hiện hoạt động kinh doanh, hạch toán, tổ chức, nhân sự và các hoạt động khác theo chế độ phân cấp, ủy quyền của Ngân hàng và được cụ thể hóa tại quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị này. Quy chế hoạt động của các Đơn vị trực thuộc do Tổng Giám đốc xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt. Ngân hàng chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết hợp pháp của các Đơn vị trực thuộc.

Mục 3 - Quan hệ giữa Ngân hàng với các Công ty có liên quan

Điều 80. Quản lý phần vốn góp của Ngân hàng trong Công ty có liên quan

1. Ngân hàng giao quyền cho Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trực tiếp thay mặt Ngân hàng quản lý các khoản đầu tư của Ngân hàng tại các Công ty có liên quan trong phạm vi điều lệ của các Công ty có liên quan này cho phép.
2. Ngân hàng quyết định mức đầu tư vào các Công ty có liên quan thành lập mới, điều chỉnh mức đầu tư đối với các Công ty có liên quan đang hoạt động phù hợp với chiến lược và kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng.
3. Quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng tại các Công ty có liên quan được xác định theo quy chế do Hội đồng quản trị ban hành và tại từng quyết định cử người đại diện cụ thể.

Điều 81. Chi phối, liên kết, hỗ trợ các Công ty có liên quan

1. Khi Ngân hàng nắm quyền chi phối đối với một Công ty có liên quan, quyền chi phối, hỗ trợ sẽ được quy định trong điều lệ và quy chế tài chính của Công ty có liên quan, có thể bao gồm các lĩnh vực sau:
 - a. Biểu quyết việc phê duyệt điều lệ hoạt động.
 - b. Biểu quyết việc phê duyệt phương hướng chiến lược kinh doanh.
 - c. Biểu quyết việc phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm.

d. Biểu quyết việc phê duyệt các phương án kinh doanh của Công ty có liên quan cho việc đầu tư ra ngoài Công ty có liên quan.

e. Nhận và thông qua các báo cáo quản lý và các báo cáo tài chính đã được kiểm toán hàng năm của Công ty có liên quan.

f. Tham gia vào hoạt động trong toàn bộ Ngân hàng, liên kết với các Công ty có liên quan khác hoặc với chính Ngân hàng để thực hiện các dự án lớn cần có sự phối hợp của nhiều doanh nghiệp.

g. Thu lợi nhuận và chi phí hoàn trả và chịu rủi ro đối với phần vốn của Ngân hàng đầu tư vào các Công ty có liên quan.

l. Các lĩnh vực khác theo điều lệ của các Công ty có liên quan và quy định của Pháp luật.

2. Ngân hàng sẽ hỗ trợ cho các Đơn vị thành viên bằng cách xác định và đưa ra định hướng phát triển chung cho cả Tập đoàn trên cơ sở phát huy được thế mạnh của các Đơn vị thành viên và tránh sự cạnh tranh nội bộ không lành mạnh và phân tán nguồn lực giữa các Đơn vị thành viên. Hoạt động hợp tác, hỗ trợ thương mại, đầu tư giữa các thành viên trong Tập đoàn được xác định trên cơ sở điều kiện thương mại vì lợi ích tốt nhất của toàn bộ Tập đoàn và phù hợp với quy định Pháp luật.
3. Ngân hàng sẽ không trực tiếp quyết định hoặc trực tiếp tham gia quản lý đối với các Công ty có liên quan. Quy định này không loại trừ quyền của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thực hiện các vai trò quản lý, điều hành tại các Công ty có liên quan.

Điều 82. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng đối với Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Ngoài các nguyên tắc quy định tại Điều 81 Điều lệ này:

1. Ngân hàng quyết định cơ cấu tổ chức của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định của Pháp luật khác có liên quan.
2. Ngân hàng quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, và kỷ luật thành viên hội đồng thành viên trong trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức theo mô hình có hội đồng thành viên, hoặc chủ tịch công ty đối với cơ cấu tổ chức quản lý theo mô hình chủ tịch công ty.
3. Ngân hàng phân cấp cho hội đồng thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (đối với cơ cấu tổ chức quản lý theo mô hình hội đồng thành viên) hoặc chủ tịch công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (đối với cơ cấu tổ chức quản lý theo mô hình chủ tịch công ty) quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với:

- Giám đốc hoặc tổng giám đốc sau khi có chấp thuận bằng văn bản của Hội đồng quản trị của Ngân hàng.

- Phó giám đốc hoặc phó tổng giám đốc, kế toán trưởng theo đề nghị của giám đốc hoặc tổng giám đốc.

4. Ngân hàng thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của chủ sở hữu theo quy định tại Điều lệ này, điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định khác có liên quan của Pháp luật.

Điều 83. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên, Công ty cổ phần

Ngoài các nguyên tắc quy định tại Điều 81 Điều lệ này:

1. Ngân hàng thực hiện quyền chi phối của cổ đông, bên góp vốn chi phối thông qua người đại diện của mình là thành viên trong hội đồng quản trị, hội đồng thành viên hoặc tại đại hội đồng cổ đông.
2. Được hưởng các quyền và phải thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, điều lệ của các Công ty con tương ứng và quy định có liên quan của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và quy định của Pháp luật khác có liên quan.

Điều 84. Quan hệ giữa Ngân hàng với các Công ty liên kết

Ngân hàng có quyền và nghĩa vụ của cổ đông đối với các Công ty liên kết theo điều lệ của các Công ty liên kết đó và/hoặc hợp đồng góp vốn và theo quy định có liên quan của Pháp luật.

CHƯƠNG V - CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

Mục 1 - Hệ thống kế toán và năm tài chính

Điều 85. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Ngân hàng sử dụng là Hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ tài chính chấp thuận.
2. Ngân hàng sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.
3. Các sổ sách kế toán của Ngân hàng được lập bằng tiếng Việt theo quy định của Pháp luật.

Điều 86. Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 (mùng một) tháng 01 (dương lịch) hàng năm và kết thúc vào ngày 31 (ba mươi mốt) tháng 12 (mười hai) cùng năm. Năm tài chính đầu tiên từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 (ba mươi mốt) tháng 12 (mười hai) cùng năm đó.

Mục 2 - Kiểm toán và con dấu

Điều 87. Kiểm toán

1. Trước khi kết thúc năm tài chính, Ngân hàng phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán các hoạt động của mình trong năm tài chính tiếp theo. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, Ngân hàng phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.
2. Một bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm với mỗi bản báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng.
3. Ngân hàng sẽ chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
4. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 2 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Ngân hàng phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, nếu Pháp luật có yêu cầu.
5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Điều 88. Con dấu

1. Con dấu của Ngân hàng được khắc theo quy định của Pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát sử dụng con dấu của Ngân hàng theo quy định của Pháp luật.

Mục 3 - Phân chia lợi nhuận

Điều 89. Phân chia lợi nhuận sau thuế

Sau khi trích lập các quỹ, lợi nhuận giữ lại của Ngân hàng được sử dụng để trả cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 90. Trích lập quỹ

1. Ngân hàng trích lập các quỹ và dự phòng theo đúng quy định của Pháp luật.
2. Hàng năm, Ngân hàng sử dụng lợi nhuận sau thuế của mình như sau:
 - a. Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ theo tỷ lệ 5% (năm phần trăm) lợi nhuận sau thuế, chia lãi cho các thành viên liên kết theo quy định của hợp đồng (nếu có), bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp. Mức tối đa của quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không vượt quá mức vốn điều lệ của Ngân hàng.

- b. Trích lập quỹ dự phòng tài chính với mức 10% (mười phần trăm) lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng. Mức tối đa của quỹ dự phòng tài chính này không vượt quá 25% (hai mươi năm phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng.
- c. Trả cổ tức cho các cổ đông.
- d. Việc trích lập và tỷ lệ trích lập các quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các quỹ khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 91. Trả cổ tức

1. Cổ tức được chia theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị. Ngân hàng chỉ trả cổ tức cho cổ đông sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật; trích lập các quỹ Ngân hàng và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Ngân hàng vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn (nếu có).
2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào nguồn lợi nhuận giữ lại của Ngân hàng do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Ngân hàng hoặc bằng tài sản khác do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng chuyển khoản theo yêu cầu của cổ đông.

Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Ngân hàng đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Ngân hàng không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó trong trường hợp đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông. Trong trường hợp cổ phiếu được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phần này có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

4. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.

Thông báo phải ghi rõ tên Ngân hàng; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc của Ngân hàng.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Ngân hàng.

6. Hội đồng quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng thanh toán và sinh lời của Ngân hàng.
7. Trừ trường hợp cổ phiếu có các quyền đi kèm hoặc các điều khoản phát sinh cổ phiếu có quy định khác, mức cổ tức của những cổ phiếu chưa được thanh toán hết được trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó tính đến thời điểm chi trả cổ tức. Ngân hàng không chi trả cổ tức bổ sung khi các cổ phiếu đó được thanh toán hết.
8. Ngân hàng không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác mà cổ đông chưa nhận khi đến hạn trả cổ tức.

CHƯƠNG VI - SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ NGÂN HÀNG

Điều 92. Báo cáo hàng năm, 6 tháng và hàng quý

1. Báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng bao gồm: bảng cân đối kế toán, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, thuyết minh báo cáo tài chính, thuế và tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

Ngoài các báo cáo trên, Ngân hàng lập các báo cáo hàng năm bao gồm: báo cáo tài chính hợp nhất; báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hàng năm; báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành.

2. Báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng phải lập một cách trung thực và khách quan, được kiểm toán trước khi trình Đại hội cổ đông xem xét, thông qua. Tổng Giám đốc Ngân hàng tổ chức thực hiện việc lập các báo cáo nêu tại khoản 1 Điều này.
3. Ngân hàng sẽ lập các báo cáo tài chính 6 (sáu) tháng và hàng quý và nộp cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phù hợp với quy định của Pháp luật.
4. Hội đồng quản trị theo dõi, giám sát việc lập báo cáo nêu tại khoản 1 Điều này; lập các báo cáo về tình hình kinh doanh của Ngân hàng, các báo cáo về tình hình tài chính của Ngân hàng, báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Ngân hàng và gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.
5. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính Ngân hàng chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

Một bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, sau khi được Ban kiểm soát thẩm định sẽ được niêm yết tại trụ sở chính Ngân hàng và thông báo đến tất cả các cổ đông chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Ngân hàng có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Ngân hàng phải được công bố trên website đó.

6. Các báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua gửi đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.

Điều 93. Quyền tiếp cận, kiểm tra sổ sách và hồ sơ Ngân hàng

1. Cổ đông của Ngân hàng có quyền xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông; xem xét, tra cứu và trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Ngân hàng, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
2. Ngoài quyền tiếp cận theo quy định tại khoản 1 Điều này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Ngân hàng trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền tiếp cận hồ sơ và sổ sách Ngân hàng theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Điều lệ này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng, danh sách cổ đông và những sổ sách, hồ sơ, tài liệu khác của Ngân hàng để phục vụ cho nhiệm vụ của mình tại Ngân hàng và chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin tài liệu được cung cấp.
4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Ngân hàng, tại trụ sở chính của Ngân hàng và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 94. Chế độ lưu giữ tài liệu của Ngân hàng

1. Ngân hàng lưu giữ các tài liệu sau đây tại trụ sở chính Ngân hàng:
 - a. Điều lệ Ngân hàng; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng; các quy chế quản lý nội bộ của Ngân hàng; sổ đăng ký cổ đông.
 - b. Giấy phép thành lập và hoạt động; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm; các giấy phép và giấy chứng nhận khác.
 - c. Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Ngân hàng.
 - d. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; các quyết định của Ngân hàng.
 - e. Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán (nếu có).
 - f. Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập.
 - g. Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng.
 - h. Báo cáo, tài liệu quyết toán tài chính hàng năm của Ngân hàng.
 - i. Báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hàng năm, báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành của Tập đoàn.
 - j. Các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.
2. Bản sao các báo cáo, tài liệu quyết toán hàng năm của Ngân hàng, của các Công ty con và các báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của Tập đoàn được lưu giữ ở các chi nhánh của Ngân hàng trên lãnh thổ Việt Nam.
3. Thời hạn lưu giữ các tài liệu nêu tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của Pháp luật.

4. Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu Ngân hàng theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.

Điều 95. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Ngân hàng phải công bố ra công chúng các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác theo những quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định có liên quan của Pháp luật.

CHƯƠNG VII - TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN NGÂN HÀNG

Điều 96. Tổ chức lại

Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi Ngân hàng thực hiện theo quy định có liên quan của Pháp luật.

Điều 97. Giải thể Ngân hàng

1. Ngân hàng bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản;
 - b. Khi hết thời hạn hoạt động không xin gia hạn hoặc xin gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản;
 - c. Bị thu hồi Giấy phép;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật (nếu có).
2. Ngân hàng chỉ giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
3. Các quyết định giải thể Ngân hàng do Đại hội đồng cổ đông thông qua và phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận theo quy định của Pháp luật.
4. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý.
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm theo quy định của Pháp luật cho cán bộ nhân viên.
 - c. Thuế và các khoản nợ khác của Ngân hàng.
 - d. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ điểm a đến điểm d khoản này được phân chia cho các cổ đông.
5. Các thủ tục và quy định khác liên quan đến việc giải thể Ngân hàng được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

Điều 98. Phá sản Ngân hàng

Việc phá sản Ngân hàng được thực hiện theo quy định của Pháp luật về phá sản.

CHƯƠNG VIII - GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ, SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ NGÂN HÀNG

Điều 99. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Ngân hàng hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ này hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Pháp luật quy định, giữa:
 - a. Một cổ đông hay các cổ đông với Ngân hàng.
 - b. Một cổ đông hoặc các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay Người quản lý Ngân hàng khác.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trong trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 6 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra cơ quan Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền.
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án hay Trọng tài sẽ do các cơ quan này quyết định bên nào phải chịu.

Điều 100. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ Ngân hàng

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định có liên quan của Pháp luật đến hoạt động của Ngân hàng chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và sẽ điều chỉnh hoạt động của Ngân hàng.

CHƯƠNG IX - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 101. Điều khoản chung

1. Ngôn ngữ chính thức được sử dụng trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, họp Hội đồng quản trị, họp Ban kiểm soát là tiếng Việt; ngôn ngữ sử dụng trong các văn bản Điều lệ, quy chế, quy định, quyết định của Ngân hàng cũng như trong biên bản các cuộc họp kể trên là tiếng Việt. Các cổ đông nước ngoài tự chuẩn bị người và chịu các chi phí phiên dịch, biên dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài.

2. Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua hợp lệ ngày 26 tháng 12 năm 2014 và được đăng ký tại Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông qua.
3. Tất cả các đơn vị và cá nhân thuộc Ngân hàng có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ này.
4. Điều lệ gồm 09 (chín) chương, 101 (một trăm linh một) điều, được lập thành 06 bản gốc có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. Một (01) bản nộp Bộ tài chính.
 - b. Hai (02) bản nộp Ngân hàng Nhà nước.
 - c. Một (01) bản đăng ký tại các cơ quan chính quyền theo quy định của Pháp luật.
 - d. Hai (02) bản lưu tại Ngân hàng.
5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Ngân hàng phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền hoặc tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.
6. Điều lệ này được thông qua và ban hành tại thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2014

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGHIÊM XUÂN THÀNH

**PHỤ LỤC I : DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÁC CÔNG TY CON,
CÔNG TY LIÊN DOANH, CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA VIETCOMBANK**

I. DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

TT	Chi nhánh	Địa chỉ	Ghi chú
1	An Giang	01 Hùng Vương, P.Mỹ Long, TP.Long Xuyên, T.An Giang	
2	Ba Đình	521 Kim Mã, P.Ngọc Khánh, Q.Ba Đình, TP.Hà Nội	
3	Bạc Liêu	14-15B Bà Triệu, P.3, TP.Bạc Liêu, T.Bạc Liêu	
4	Bắc Bình Dương	Đường NA3, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, H.Bến Cát, T.Bình Dương	
5	Bắc Giang	179 Hùng Vương, TP.Bắc Giang, T.Bắc Giang	
6	Bắc Hà Tĩnh	Số 52 Đường Trần Phú, TX.Hồng Lĩnh, T.Hà Tĩnh	
7	Bắc Ninh	Ngã 6, P.Đại Phúc, TP.Bắc Ninh, T.Bắc Ninh	
8	Bắc Sài Gòn	Khu hành chính, đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P.Bình Hưng Hòa, Q.Bình Tân, TP.HCM	
9	Bến Thành	69 Bùi Thị Xuân, P.Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP.Hồ Chí Minh	
10	Biên Hoà	Số 22, đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, TP.Biên Hòa, T.Đồng Nai	
11	Bình Dương	314 Đại lộ Bình Dương, P.Phú Hòa, TP.Thủ Dầu Một, T.Bình Dương	
12	Bình Tây	129-129A Hậu Giang, P.5, Q.6, TP.HCM	
13	Bình Thuận	87 đường 19/4, P.Xuân An, TP.Phan Thiết, T.Bình Thuận	
14	Cà Mau	3-4C, đường Âu Cơ, P.7, TP.Cà Mau, T.Cà Mau	
15	Cần Thơ	03-05-07 Hòa Bình, P.Tân An, Q.Ninh Kiều, TP.Cần Thơ	
16	Châu Đốc	55 Lê Lợi, Phường Châu Phú B, TP. Châu Đốc, T.An Giang	
17	Chương Dương	564 Nguyễn Văn Cừ, P.Gia Thụy, Q.Long Biên, TP.Hà Nội	

TT	Chi nhánh	Địa chỉ	Ghi chú
18	Dịch vụ Khách hàng đặc biệt	198 Trần Quang Khải, Q.Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội	
19	Dung Quất	KCN Đông Dung Quất, KKT Dung Quất, xã Bình Thuận, H.Bình Sơn, T.Quảng Ngãi	
20	Đà Lạt	01 Lê Hồng Phong, P.4, TP.Đà Lạt, T.Lâm Đồng	
21	Đà Nẵng	140-142 Lê Lợi, P.Hải Châu 1, Q.Hải Châu, TP.Đà Nẵng	
22	Đắk Lắk	06 Trần Hưng Đạo, P.Thắng Lợi, TP.Buôn Ma Thuột, T.Đắk Lắk	
23	Đông Anh	Thôn Nghĩa Lại, xã Uy Nỗ, H.Đông Anh, TP.Hà Nội	
24	Đồng Nai	77C, Hưng Đạo Vương, TP.Biên Hòa, T.Đồng Nai	
25	Đông Sài Gòn	199 Điện Biên Phủ, P.15, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	
26	Đồng Tháp	Số 66, đường 30/4, P.1, TP.Cao Lãnh, T.Đồng Tháp	
27	Gia Lai	33 Quang trung, TP.Pleiku, T.Gia lai	
28	Hạ Long	166 Đường Hạ Long, P.Bãi Cháy, TP.Hạ Long, T.Quảng Ninh.	
29	Hà Nam	TTTT DV Hải Hà, đường Lê Hoàn, P.Hai Bà Trưng, TP.Phù Lý, T.Hà Nam	
30	Hà Nội	344 Bà Triệu, P.Lê Đại Hành, Q.Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội	
31	Hà Tây	Số 484 Quang Trung, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội	
32	Hà Tĩnh	Số 02 Nguyễn Thị Minh Khai, TP.Hà Tĩnh, T.Hà Tĩnh	
33	Hải Dương	Số 66 Nguyễn Lương Bằng, P.Bình Hàn, TP.Hải Dương, T.Hải Dương	
34	Hải Phòng	Số 275 Lạch Tray, P.Đằng Giang, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng	
35	Hoàn Kiếm	23 Phan Chu Trinh, P.Phan Chu Trinh, Q.Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội	
36	Hoàng Mai	Tầng 1,2, Tower 1, Times City, 458 Minh Khai, P.Vĩnh Tuy, Q.Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội	
37	Hồ Chí Minh	Số 10 Đường Võ Văn Kiệt, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM	

TT	Chi nhánh	Địa chỉ	Ghi chú
38	Huế	78 Hùng Vương, P.Phú Nhuận, TP.Huế	
39	Hưng Yên	Thị trấn Bần Yên Nhân, H.Mỹ Hào, T.Hưng Yên	
40	Kiên Giang	Số 89, đường 3 tháng 2, P.Vĩnh Bảo, TP.Rạch Giá, T.Kiên Giang	
41	Kon Tum	348 Trần Hưng Đạo, TP.Kon Tum, T.Kon Tum	
42	Kỳ Đồng	13-13 Bis Kỳ Đồng, P.9, Q.3, TP.HCM	
43	Khánh Hòa	21 Lê Thành Phương, P.Vạn Thắng, TP.Nha Trang, T.Khánh Hòa	
44	Lạng Sơn	Tầng 1, trung tâm thương mại Phú Lộc, khu dự án Phú Lộc IV, P.Vĩnh Trại, TP.Lạng Sơn, T.Lạng Sơn	
45	Lào Cai	Số 79 đường Hoàng Liên, P.Cốc Lều, TP.Lào Cai, T.Lào Cai	
46	Long An	Số 2A, Phạm Văn Ngũ, H.Bến Lức, T.Long An	
47	Long Khánh	Số 165, đường Nguyễn Văn Cừ, P.Xuân An, TX.Long Khánh, T.Đồng Nai	
48	Móng Cái	Số 02 đường Vân Đồn, P.Trần Phú, TP.Móng Cái, T.Quảng Ninh	
49	Nam Bình Dương	Đường DT743, P.Bình Hòa, TX.Thuận An, T.Bình Dương	
50	Nam Định	Số 91 Quang Trung, P.Quang Trung, TP.Nam Định, T.Nam Định	
51	Nam Sài Gòn	Tầng 1,2,3,4 Tòa nhà V6, plot V, Khu đô thị mới Himlam, 23 Nguyễn Hữu Thọ, P.Tân Hưng, Q.7, TP.HCM	
52	Ninh Bình	Số 872 Trần Hưng Đạo, P.Tân Thành, TP.Ninh Bình, T.Ninh Bình	
53	Ninh Thuận	số 47 đường 16/4, P.Kinh Dinh, TP.Phan Rang - Tháp Chàm, T.Ninh Thuận	
54	Nha Trang	17 Quang Trung, P.Vạn Thành, TP.Nha Trang, T.Khánh Hòa	
55	Nhon Trạch	Đường Tôn Đức thắng, KCN Nhon Trạch 3, H.Nhon Trạch, T.Đồng Nai	
56	Phú Tài	433 Lạc Long Quân, P.Trần Quang Diệu, TP.Quy Nhơn, T.Bình Định	
57	Phú Thọ	664 Sư Vạn Hạnh, P.12, Q.10, TP.HCM	
58	Phú Yên	194-196 Hùng Vương, TP.Tuy Hòa, T.Phú Yên	

TT	Chi nhánh	Địa chỉ	Ghi chú
59	Quảng Bình	54 Nguyễn Hữu Cảnh, TP.Đồng Hới, T.Quảng Bình	
60	Quảng Nam	35 Trần Hưng Đạo, TP.Tam Kỳ, T.Quảng Nam	
61	Quảng Ninh	Đường 25/4, P.Bạch Đằng, TP.Hạ Long, T.Quảng Ninh	
62	Quảng Ngãi	345 Hùng Vương, P.Trần Phú, TP.Quảng Ngãi, T.Quảng Ngãi	
63	Quảng Trị	51 TRẦN HƯNG ĐẠO, TP.Đông Hà, T.Quảng Trị	
64	Quận 5	2D-2E Lý Thường Kiệt, P12, Q.5, TP.HCM	
65	Quy Nhơn	66C đường Lê Duẩn, P.Lý Thường Kiệt, TP.Quy Nhơn, T.Bình Định	
66	Sóc Sơn	Số nhà 51, đường Quốc Lộ 3, tổ 12, thị trấn Sóc Sơn, H.Sóc Sơn, TP.Hà Nội	
67	Sóc Trăng	Số 3 Trần Hưng Đạo, khóm 6, P.3, TP.Sóc Trăng, T.Sóc Trăng	
68	Sóng Thần	Số 79/8 Khu phố Bình Đường 2, P.An Bình, TX.Dĩ An, T.Bình Dương	
69	Sở giao dịch	31-33 Ngô Quyền, P.Hàng Bài, Q.Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội	
70	Tân Bình	108 Tây Thạnh, P.Tây Thạnh, Q.Tân Phú, TP.HCM	
71	Tân Định	72 - 74 Phạm Ngọc Thạch, P.6, Q.3, TP.HCM	
72	Tây Đô	Lô 30A7A, Khu công nghiệp Trà Nóc, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ	
73	Tây Hồ	Số D5B - 33 và D5B - 35, Lô D5, Khu đấu giá 18,6 ha, P.Phú Thượng, Q.Tây Hồ, TP.Hà Nội	
74	Tây Ninh	374-376, đường 30/4, P.3, TP.Tây Ninh, T.Tây Ninh	
75	Tiền Giang	152 Đinh Bộ Lĩnh, P.2, TP.Mỹ Tho, T.Tiền Giang.	
76	Thái Bình	Số 75, Đường Lê Lợi, TP.Thái Bình, T.Thái Bình	
77	Thái Nguyên	Số 10 đường Cách Mạng Tháng Tám, P.Phan Đình Phùng, TP.Thái Nguyên, T.Thái Nguyên	

TT	Chi nhánh	Địa chỉ	Ghi chú
78	Thành Công	Lô 3 Ô 4.1cc Hoàng Đạo Thúy, P.Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội	
79	Thanh Hóa	Số 11, Hạc Thành, P.Điện Biên, TP.Thanh Hóa, T.Thanh Hóa	
80	Thanh Trì	Tầng 1,2,3, Tòa nhà “Nhà ở cao tầng và dịch vụ Cầu Tiên”, 1277 Giải Phóng, P.Thịnh Liệt, Q.Hoàng Mai, TP.Hà Nội	
81	Thanh Xuân	448-450 Nguyễn Trãi, P.Thanh Xuân Trung, Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội	
82	Thăng Long	98 Hoàng Quốc Việt, P.Nghĩa Đô, Q.Cầu Giấy, TP.Hà Nội	
83	Thủ Đức	Khu chế xuất Linh Trung I, P.Linh Trung, Q.Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh	
84	Trà Vinh	Số 28 đường Nguyễn Thị Minh Khai, P.2, TP.Trà Vinh, T.Trà Vinh	
85	Trung Đô	Số 9, đường Nguyễn Sỹ Sách, P. Hà Huy Tập, TP.Vinh, tỉnh Nghệ An	
86	Việt Trì	1606A DL Hùng Vương, P.Gia Cẩm, TP.Việt Trì, T.Phú Thọ	
87	Vinh	Số 21 Đường Quang Trung, TP.Vinh, T.Nghệ An	
88	Vĩnh Long	1D-1E, Hoàng Thái Hiếu, P.1, TP.Vĩnh Long, T.Vĩnh Long	
89	Vĩnh Phúc	Số 392A, đường Mê Linh, P.Khai Quang, TP.Vĩnh Yên, T.Vĩnh Phúc	
90	Vũng Tàu	Số 27 Trần Hưng Đạo, P.1, TP.Vũng Tàu, T.Bà Rịa - Vũng Tàu	
Đơn vị sự nghiệp			
1	Trung tâm đào tạo	Tầng 15, VCB Tower, số 198 đường Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.	
Văn phòng đại diện, Công ty ở nước ngoài			
1	Văn phòng đại diện tại Singapore	14 Robinson Road, 08 - 01 Far East Finance Building, Singapore 048545	
2	Công ty Vinafico HK	16th floor, Golden Star Building, 20 Lockhard, Hong Kong	

T.C.P.N

TT	Chi nhánh	Địa chỉ	Ghi chú
3	Công ty chuyển tiền Vietcombank (TN Monex)	7777 Center Avenue; Suite 495, Huntington Beach, CA 92647, USA	

II. DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN DOANH, CÔNG TY LIÊN KẾT

TT	ĐƠN VỊ	ĐỊA CHỈ	Tỷ lệ % vốn sở hữu của VCB (%)
A. CÁC CÔNG TY CON			
1	Công ty TNHH một thành viên cho thuê tài chính Vietcombank	Tòa nhà 25T1, Hoàng Đạo Thúy, Cầu Giấy, Hà nội	100,00
2	Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank	Tầng 17, Vietcombank Tower, 198 Trần Quang Khải, Hà nội	100,00
3	Công ty Tài chính Việt Nam tại Hồng Kong	16th floor, Golden Star Building, 20 Lockhard, Hong Kong	100,00
4	Công ty chuyển tiền Vietcombank (TN Monex)	7777 Center Avenue; Suite 495, Huntington Beach, CA 92647, USA	75,00
5	Công ty TNHH Cao ốc Vietcombank 198	Tầng 14, Vietcombank Tower, 198 Trần Quang Khải, Hà nội	70,00
B. CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH			
1	Công ty TNHH Vietcombank- Bonday- Bến Thành	P.602, Lầu 6, Harbour View Tower, số 35 Nguyễn Huệ	52,00
2	Công ty liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán	Tầng 15, Vietcombank Tower, 198 Trần Quang Khải, Hà nội	51,00
3	Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank - Cardif	Tầng 11, Tháp Capital, 109 Trần Hưng Đạo, Hà Nội	45,00
C. CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT			
1	Công ty Liên doanh Hữu hạn Vietcombank- Bonday	35 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	16,00
2	Quỹ thành viên Vietcombank I		11,00